Austrong Group
Architectural Product

WARRANTY 10 YEARS WARRANTY

BẢNG BÁO GIÁ

TRẦN NHÔM | LAM CHẮN NẮNG | TẤM ỐP NHÔM

"BG: 16-09-2026/ATG"

CÔNG TY CỔ PHẦN AUSTRONG GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN AUSTRONG GROUP

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Anh Văn

ISO 9001-2015 | TRUSTED BRAND

1. TRẦN NHÔM AUSTRONG CLIP-IN (A1)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	*Sơn Polyester (Màu trắng)*
Clip-in 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	328,000	328,000
		0.60	395,000	392,000
		0.70	464,000	456,000
		0.80	531,000	520,000
Clip-in 600x1200mm		0.80	Liên hệ	Liên hệ
		0.90	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A1		46,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A1		2,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A1		1,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		53,000

TẤM TRẦN CLIP-IN
600X600 - 600X1200mm

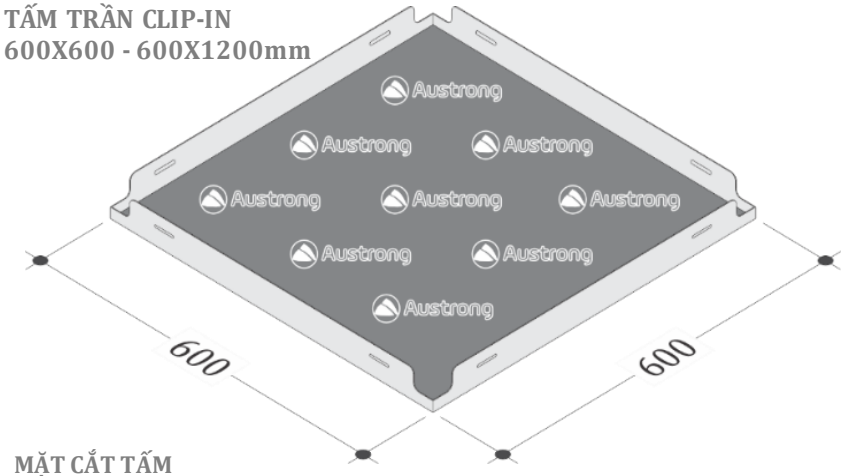

MẶT CẮT TẤM

600x1200 600x600

KHUNG TAM GIÁC

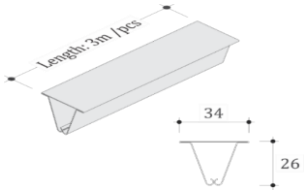

MÓC TAM GIÁC

NỐI TAM GIÁC

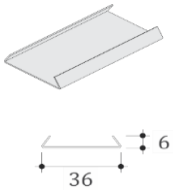

KHUNG C38

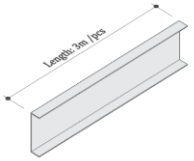

MÓC C38

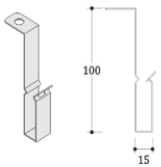

NỐI C38

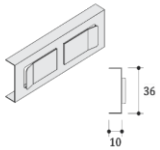

V GÓC NHÔM

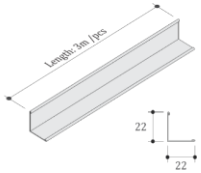

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM AUSTRONG CLIP-IN (A2)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	*Sơn Polyester (Màu trắng)*
Clip-in 327x327mm	VNĐ/M2	0.40	309,000	
		0.50	384,000	
Clip-in 300x300mm		0.40	334,000	334,000
		0.50	412,000	400,000
		0.60	489,000	478,000
Clip-in 300x600mm		0.50	373,000	356,000
		0.60	445,000	423,000
		0.70	523,000	489,000
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		31,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		1,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		53,000

TẤM TRẦN CLIP-IN
300X300 - 300X600MM

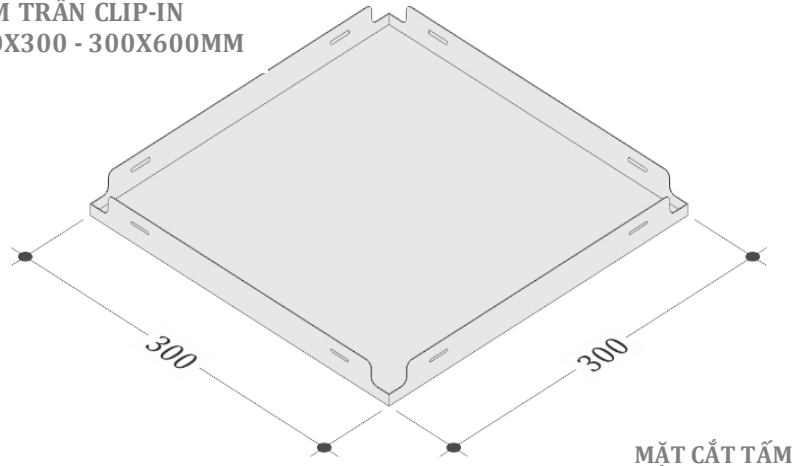

MẶT CẮT TẤM

KHUNG TAM GIÁC

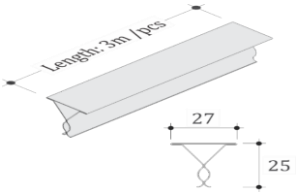

MÓC TAM GIÁC

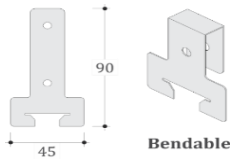

NỐI TAM GIÁC

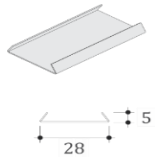

KHUNG C38

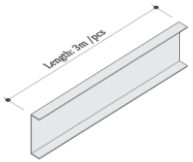

MÓC C38

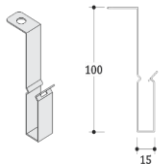

NỐI C38

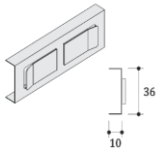

V GÓC NHÔM

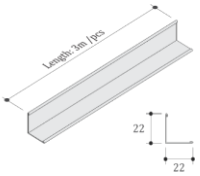

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM LỤC GIÁC - HEXAGON CLIP-IN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	*Sơn tĩnh điện (Màu trắng)*
Hexagon (lục giác) 404x700x808mm	VNĐ/M2	0.80	Liên hệ	Liên hệ
		0.90	Liên hệ	Liên hệ
		1.00	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		Liên hệ
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		Liên hệ
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		Liên hệ

TẤM TRẦN LỤC GIÁC PHẲNG

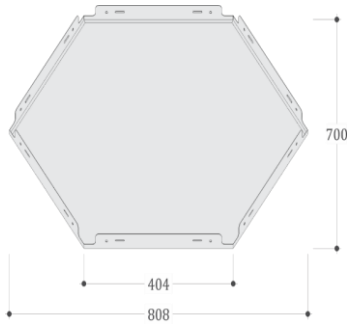

TẤM TRẦN LỤC GIÁC ĐỤC LỖ

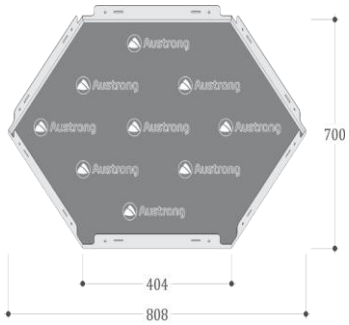

KHUNG TAM GIÁC

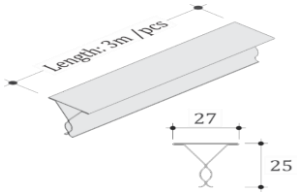

MÓC TAM GIÁC

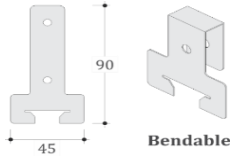

NỐI TAM GIÁC

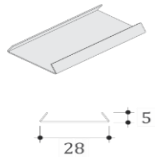

KHUNG C38

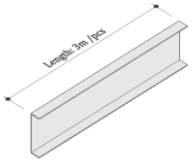

MÓC C38

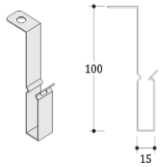

NỐI C38

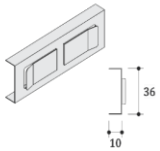

V GÓC NHÔM

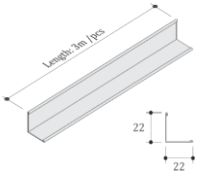

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM TAM GIÁC - TRIANGLE CLIP-IN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	*Sơn tĩnh điện (Màu trắng)*
Triangle (tam giác) 1000x1000x1000mm	VNĐ/M2	0.80	Liên hệ	Liên hệ
		0.90	Liên hệ	Liên hệ
		1.00	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối 6 đầu		Liên hệ
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		Liên hệ
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		Liên hệ

TẤM TRẦN TAM GIÁC PHẲNG

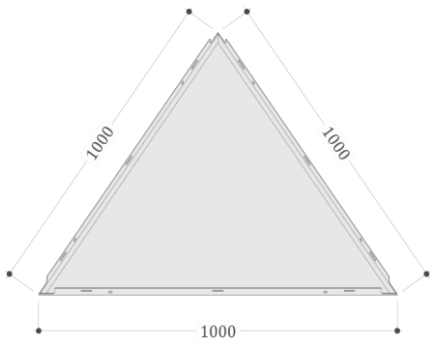

TẤM TRẦN TAM GIÁC ĐỤC LỖ

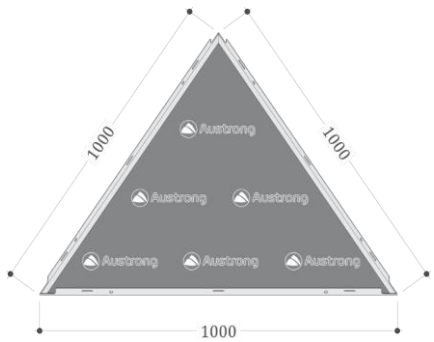

KHUNG TAM GIÁC

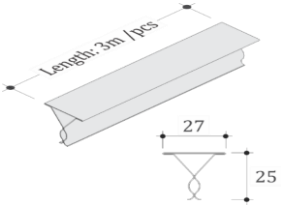

MÓC TAM GIÁC

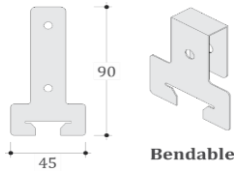

NỐI 6 ĐẦU

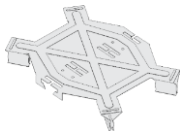

NỐI TAM GIÁC

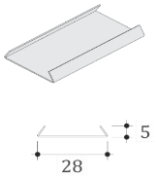

KHUNG C38

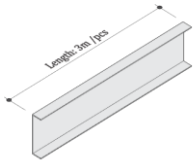

MÓC C38

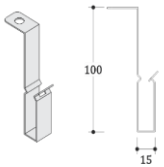

NỐI C38

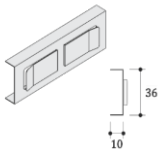

V GÓC NHÔM

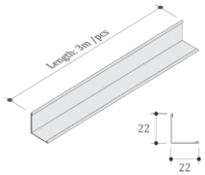

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

2. TRẦN NHÔM AUSTRONG LAY-IN T-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	*Sơn Polyester (Màu trắng)*
Lay-in T-Shaped 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	292,000	300,000
		0.60	353,000	356,000
		0.70	414,000	414,000
		0.80	478,000	473,000
Lay-in T-Shaped 600x1200mm		0.90	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung T-Shaped	VNĐ/Thanh	T-shaped 38x24x3660mm		51,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x1220mm		15,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x610mm		9,000
	VNĐ/Thanh	V góc thép 22x22x3000mm		22,000
Phụ kiện Khung C38	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000

TẤM TRẦN LAY-IN PHẲNG

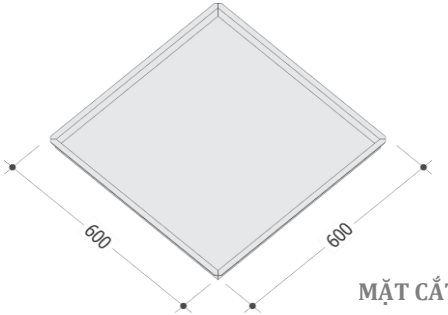

TẤM TRẦN LAY-IN ĐỤC LỖ

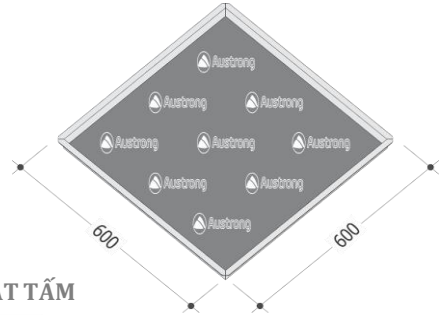

MẶT CẮT TẤM

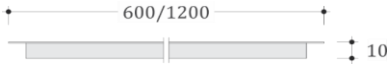

KHUNG T3660

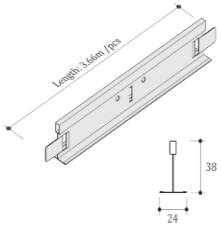

KHUNG T1220

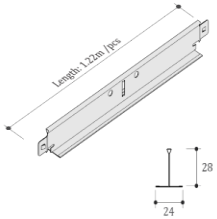

KHUNG T660

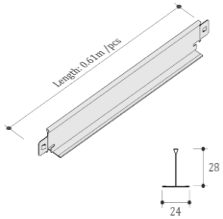

THANH V

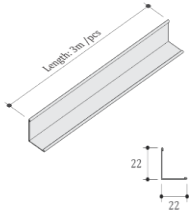

KHUNG C38

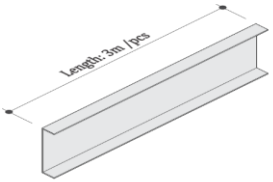

MÓC C38

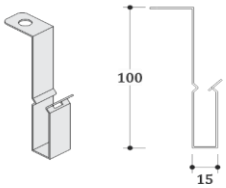

NỐI C38

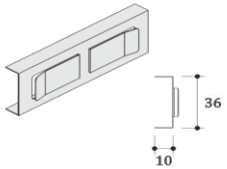

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn trắng (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

2. TRẦN NHÔM AUSTRONG LAY-IN T-BLACK

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	*Sơn Polyester (Màu trắng)*
Lay-in T-Black 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	292,000	300,000
		0.60	353,000	356,000
		0.70	414,000	414,000
		0.80	478,000	473,000
Lay-in T-Black 600x1200mm		0.90	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung T-Black	VNĐ/Thanh	T-Black 17x30x3000mm		168,000
	VNĐ/Thanh	T-Black 17x25x600mm		32,000
	VNĐ/Chiếc	Móc T-Black		2,000
	VNĐ/Chiếc	Nối T-Black		2,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		53,000

TẤM TRẦN LAY-IN PHẲNG

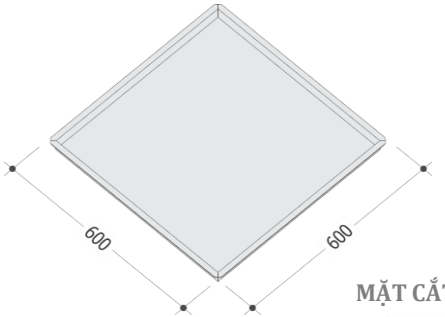

TẤM TRẦN LAY-IN ĐỤC LỖ

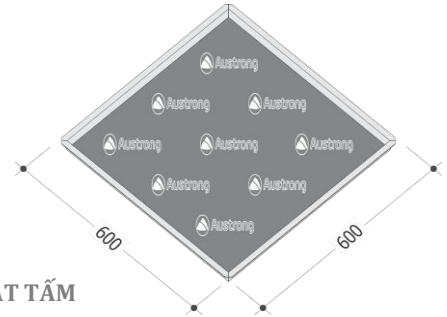

MẶT CẮT TẤM

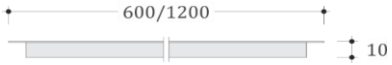

KHUNG T3000

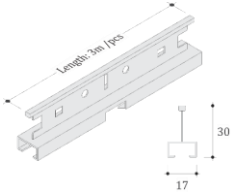

KHUNG T600

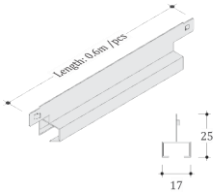

MÓC T-BLACK

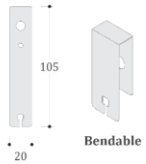

NỐI T-BLACK

KHUNG C38

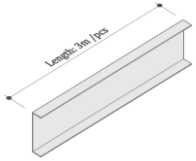

MÓC C38

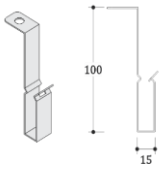

NỐI C38

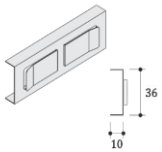

V GÓC NHÔM

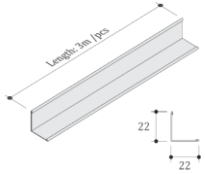

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Nhôm rãnh đen, thép (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

3. TRẦN NHÔM AUSTRONG HOOK-ON

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	*Sơn tĩnh điện (Màu trắng)*
Hook-on 600x600mm	VNĐ/M2	0.70	Liên hệ	Liên hệ
		0.80	Liên hệ	Liên hệ
		0.90	Liên hệ	Liên hệ
Hook-on 600x1200mm		0.80	Liên hệ	Liên hệ
		0.90	Liên hệ	Liên hệ
Phụ kiện Khung Hook-on	VNĐ/Thanh	Xương Hook-on 3000mm		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc Hook-on		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Kẹp Hook-on		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối Hook-on		Liên hệ
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		Liên hệ
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		Liên hệ
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		Liên hệ

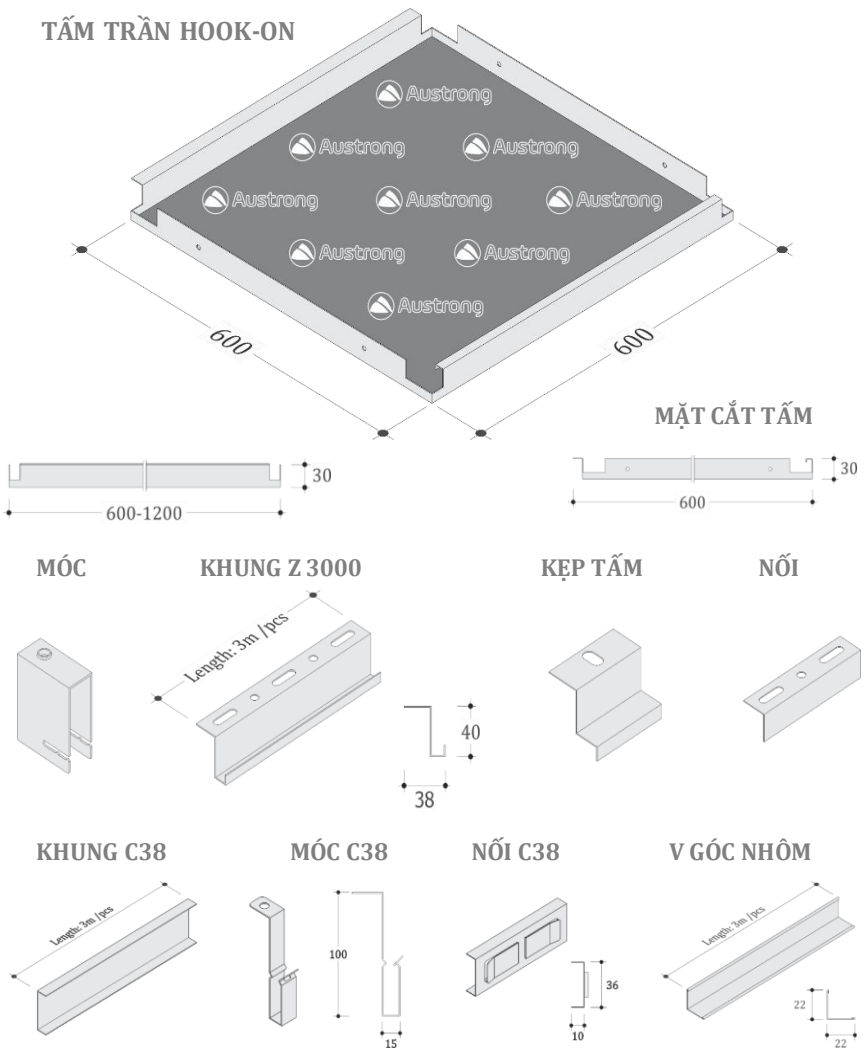

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

4. TRẦN NHÔM AUSTRONG - CELL (CARO)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ POLYESTER	
			(Màu phổ thông)	*(Màu vân gỗ)*
Cell 50x50mm	VNĐ/M2	0.40	1,020,000	1,051,000
		0.50	1,280,000	1,318,000
		0.60	1,540,000	1,586,000
Cell 75x75mm	VNĐ/M2	0.40	676,000	696,000
		0.50	838,000	863,000
		0.60	1,014,000	1,044,000
Cell 100x100mm	VNĐ/M2	0.40	520,000	536,000
		0.50	650,000	670,000
		0.60	770,000	793,000
Cell 150x150mm	VNĐ/M2	0.40	345,000	355,000
		0.50	426,000	439,000
		0.60	507,000	522,000
Cell 200x200mm	VNĐ/M2	0.40	265,000	273,000
		0.50	330,000	340,000
		0.60	395,000	407,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		53,000
	VNĐ/Chiếc	Móc treo Inox		5,000

CẤU TẠO TRẦN CELL (CARO)

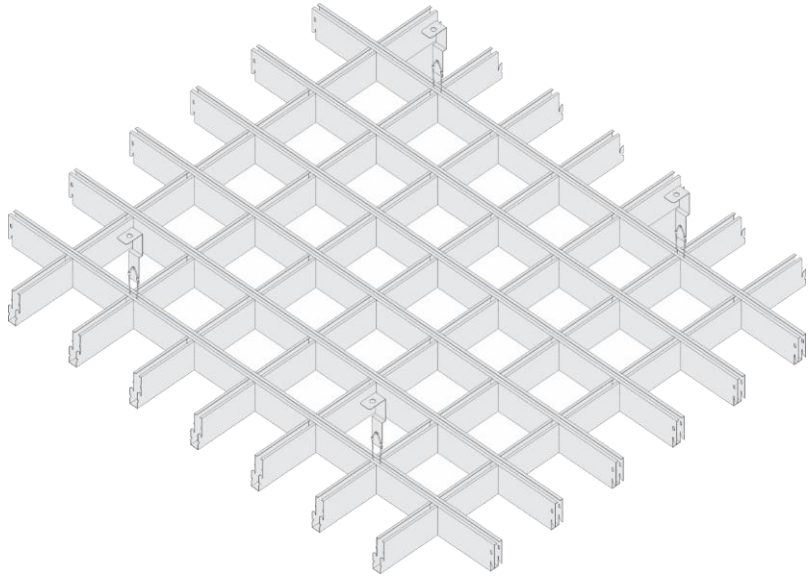

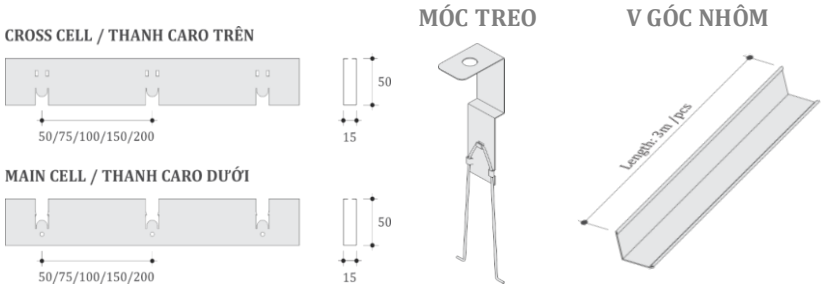

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm mác A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Móc treo trần Cell (Inox 304)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm nhân công lắp đặt hoàn thiện

5. TRẦN NHÔM AUSTRONG B-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
B30-Shaped	VNĐ/M2	0.60	580,000	597,000	
		0.70	680,000	700,000	
B80-Shaped		0.60	460,000	474,000	
		0.70	540,000	556,000	
B130-Shaped		0.60	434,000	447,000	
		0.70	507,000	522,000	
B180-Shaped		0.60	405,000	417,000	
		0.70	475,000	489,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B mạ kẽm (V-join)			135,000
	VNĐ/Thanh	Xương UB40 sơn đen, 3000mm			78,000
	VNĐ/Thanh	Thanh V-Join			39,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm			36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38			3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38			2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

TẤM TRẦN B-SHAPED

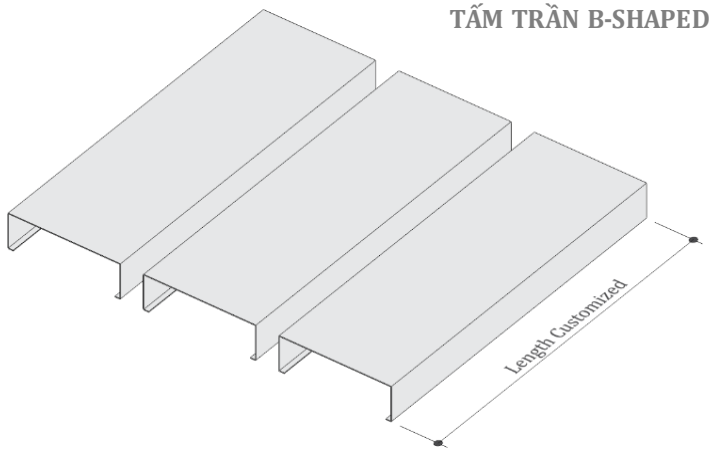

KHUNG B-SHAPED

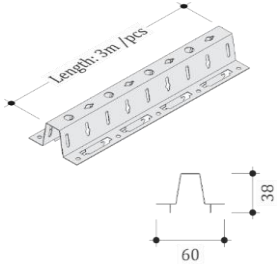

KHUNG UB40-SHAPED

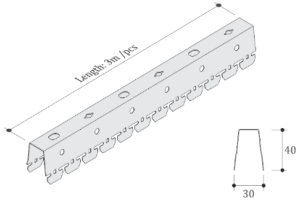

V-JOIN

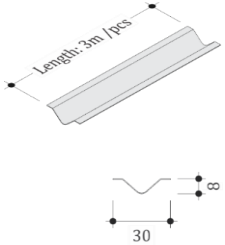

KHUNG C38

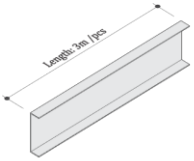

MÓC C38

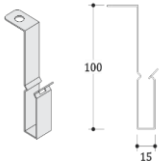

NỐI C38

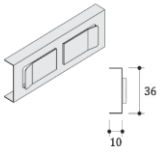

V GÓC NHÔM

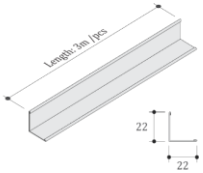

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

6. TRẦN NHÔM AUSTRONG - BC80

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỞ 20MM		KHE HỞ 40MM	
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*
BC80-Shaped	VNĐ/M2	0.60	570,000	587,000	475,000	489,000
		0.70	660,000	680,000	550,000	567,000
		0.80	750,000	773,000	625,000	644,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40 sơn đen, 3000mm				78,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm				53,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm				36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38				3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38				2,000

TẤM TRẦN BC-80

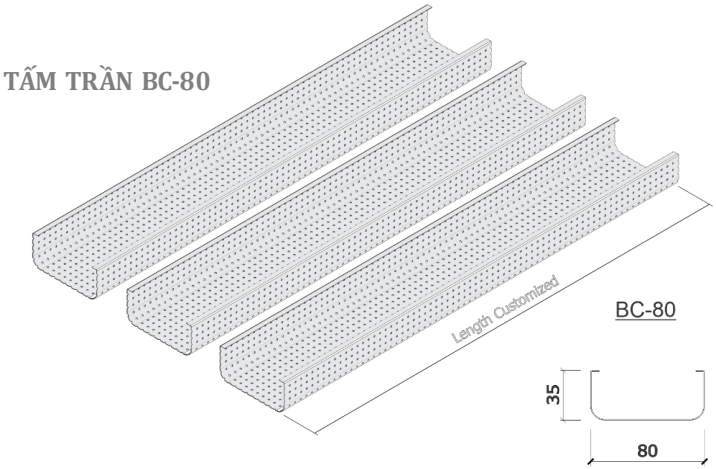

KHUNG UB40 MẠ KẼM, SƠN ĐEN

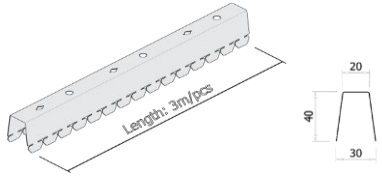

V GÓC NHÔM

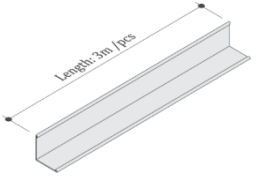

KHUNG C38

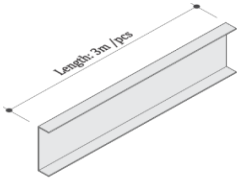

MÓC C38

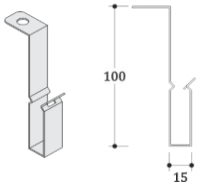

NỐI C38

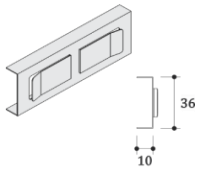

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

7. TRẦN NHÔM AUSTRONG BF-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
BF150K25	VNĐ/M2	0.70	846,000	931,000	
		0.80	960,000	1,056,000	
BF175K25		0.70	815,000	897,000	
		0.80	925,000	1,018,000	
BF200K25		0.80	916,000	1,008,000	
		0.90	1,023,000	1,125,000	
BF225K25		0.80	896,000	986,000	
		0.90	1,004,000	1,104,000	
BF250K25		0.80	884,000	972,000	
		0.90	990,000	1,089,000	
BF275K25		0.80	867,000	954,000	
		0.90	974,000	1,071,000	
BF300K25		0.80	865,000	952,000	
		0.90	967,000	1,064,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B52 sơn đen, 3000mm			
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

TẤM TRẦN BF-SHAPED

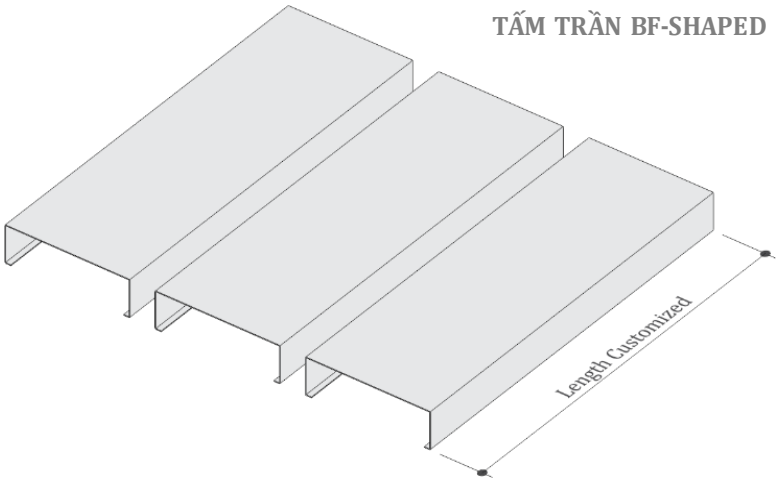

MẶT CẮT

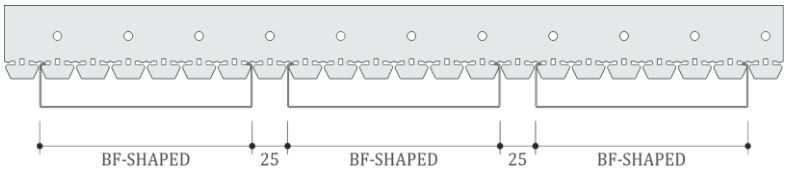

KHUNG B52 MẠ KẼM, SƠN ĐEN

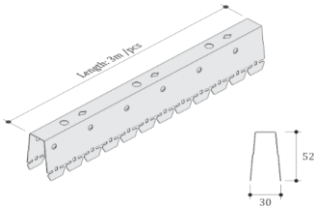

V GÓC NHÔM

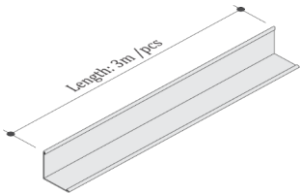

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

7. TRẦN NHÔM AUSTRONG BF-SHAPED (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
BF150K50	VNĐ/M2	0.70	740,000	814,000	
		0.80	840,000	924,000	
BF175K50		0.70	725,000	798,000	
		0.80	823,000	905,000	
BF200K50		0.80	824,000	906,000	
		0.90	920,000	1,012,000	
BF225K50		0.80	815,000	897,000	
		0.90	913,000	1,004,000	
BF250K50		0.80	810,000	891,000	
		0.90	907,000	998,000	
BF275K50		0.80	800,000	880,000	
		0.90	899,000	989,000	
BF300K50		0.80	803,000	883,000	
		0.90	898,000	988,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B52 sơn đen, 3000mm			
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

TẤM TRẦN BF-SHAPED

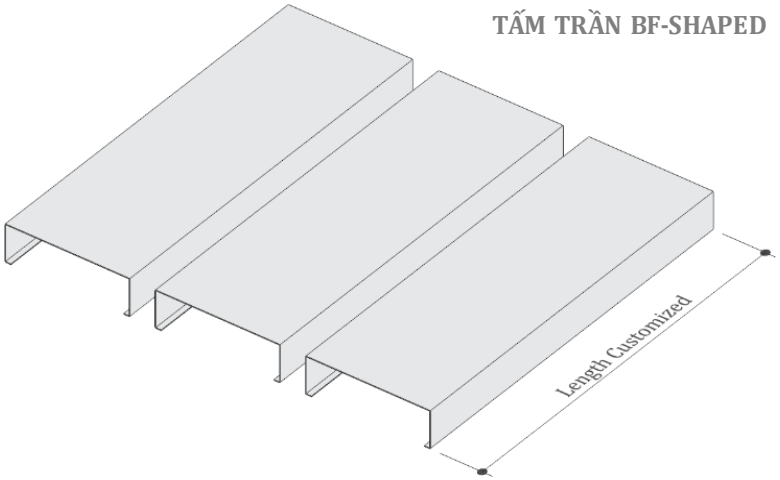

MẶT CẮT

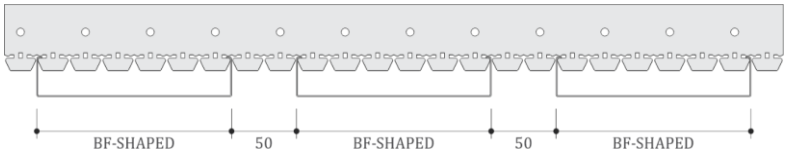

KHUNG B52 MẠ KẼM, SƠN ĐEN

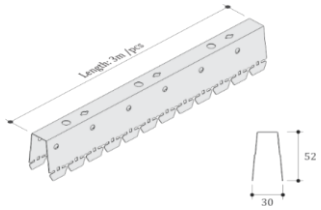

V GÓC NHÔM

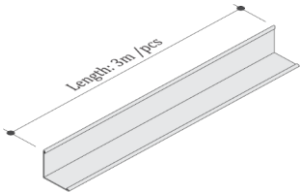

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM AUSTRONG C85-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
C85	VNĐ/M2	0.60	380,000	391,000	
		0.70	460,000	474,000	
		0.80	530,000	546,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương C85 sơn đen, 3000mm			61,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000
	VNĐ/Thanh	Thanh C-Join, 3000mm			73,000

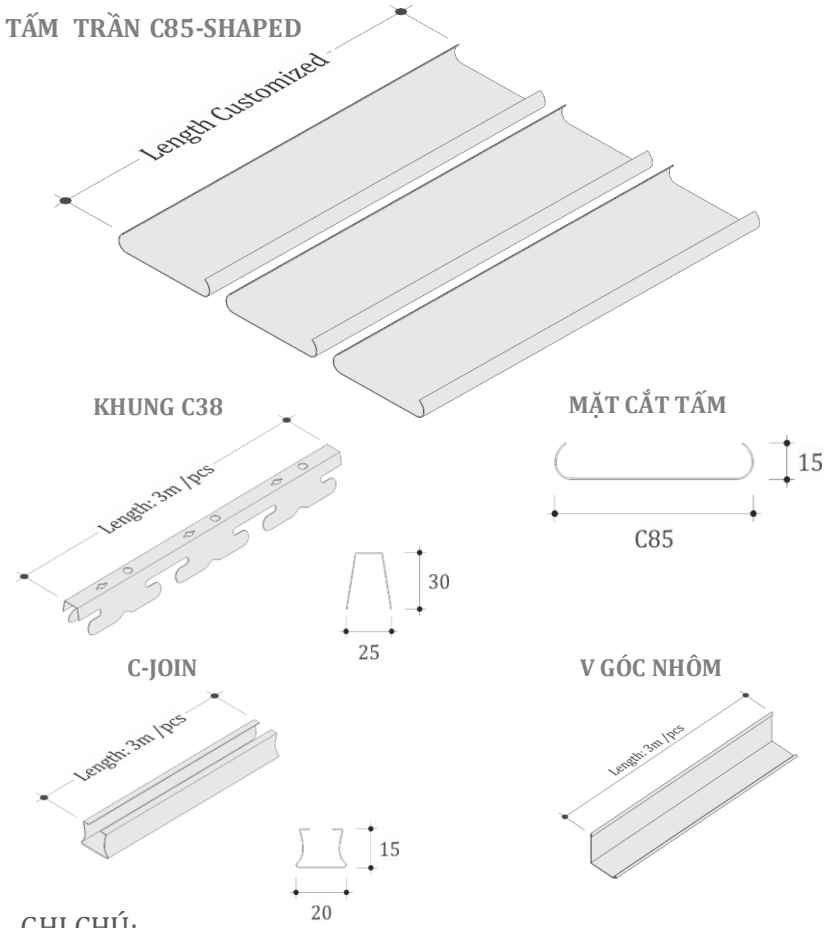

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM AUSTRONG C-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
C100	VNĐ/M2	0.60	460,000	474,000	
		0.70	570,000	587,000	
		0.80	650,000	670,000	
C150		0.60	420,000	433,000	
		0.70	514,000	529,000	
		0.80	587,000	605,000	
C200		0.70	490,000	505,000	
		0.80	560,000	577,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương C-shaped, 3000mm			61,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

TẤM TRẦN C-SHAPED

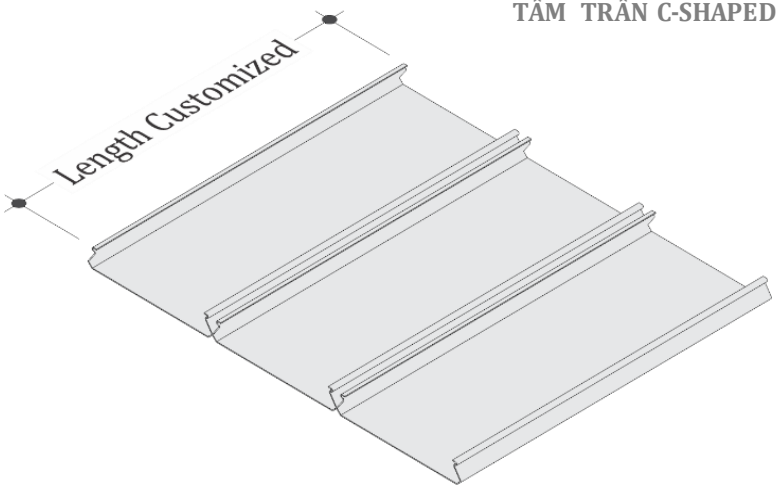

MẶT CẮT TẤM

KHUNG C-SHAPED

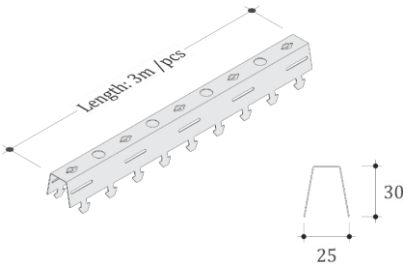

V GÓC NHÔM

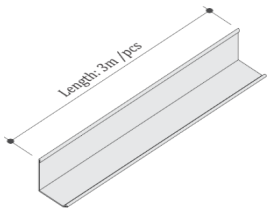

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM AUSTRONG C300-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
C300	VNĐ/M2	0.80	580,000	638,000	627,000
		0.90	654,000	719,000	707,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương C300-shaped, 3000mm			61,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

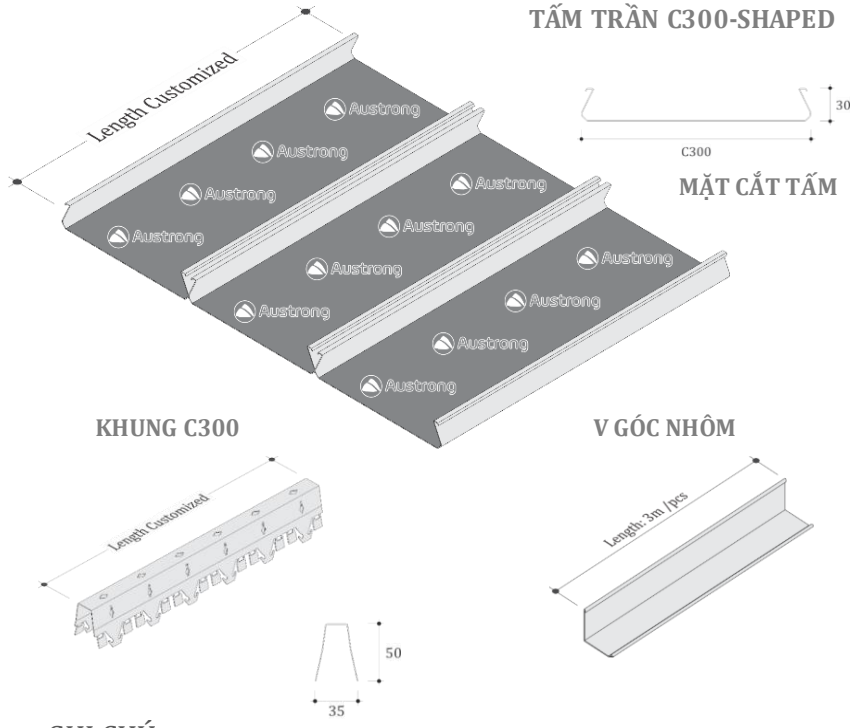

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

9. TRẦN - VÁCH NHÔM D-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
D20-Shaped	VNĐ/M2	0.60	560,000	577,000	
		0.70	654,000	674,000	
		0.80	747,000	769,000	
D50-Shaped		0.60	672,000	692,000	
		0.70	784,000	808,000	
		0.80	904,000	931,000	

TẤM TRẦN VÁCH D-SHAPED

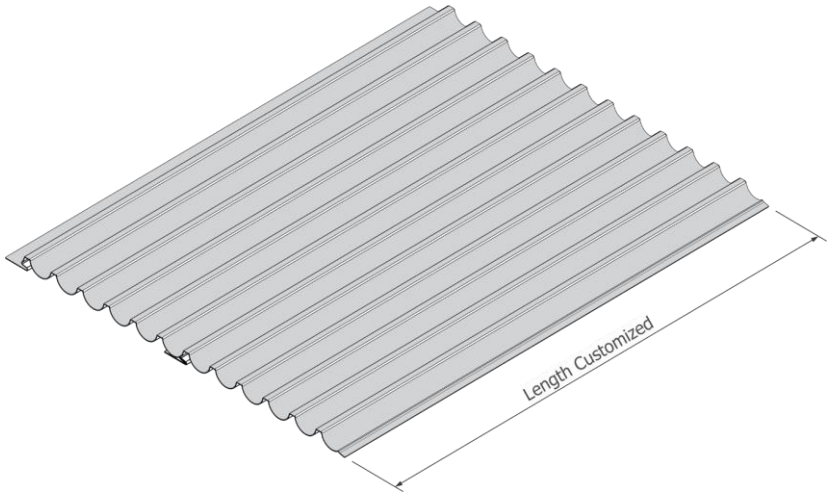

MẶT CẮT TẤM

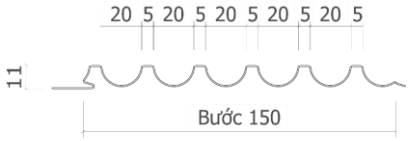

D-20 panel

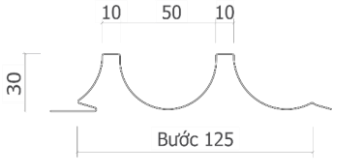

D-50 panel

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

10. TRẦN - VÁCH NHÔM F-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
F15	VNĐ/M2	0.60	667,000	687,000	
		0.70	775,000	798,000	
		0.80	884,000	911,000	
F20		0.60	659,000	679,000	
		0.70	775,000	798,000	
		0.80	884,000	911,000	
F25		0.60	565,000	582,000	
		0.70	665,000	685,000	
		0.80	758,000	781,000	
F30		0.60	527,000	543,000	
		0.70	620,000	639,000	
		0.80	707,000	728,000	
F35		0.60	565,000	582,000	
		0.70	665,000	685,000	
		0.80	758,000	781,000	

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

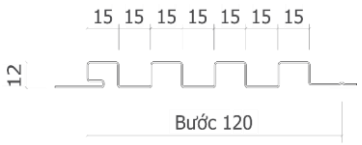

F-15 panel

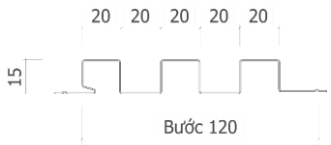

F-20 panel

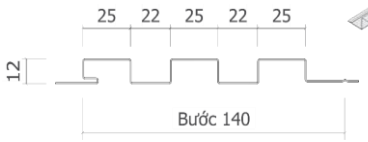

F-25 panel

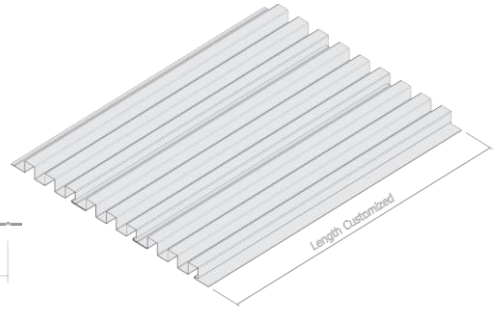

MẶT CẮT TẤM

TẤM TRẦN VÁCH F-SHAPED

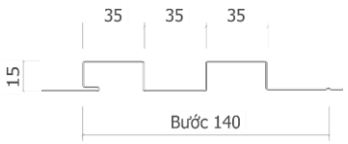

F-35 panel

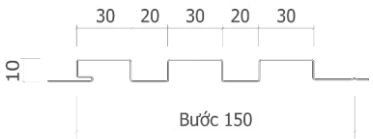

F-30 panel

10. TRẦN - VÁCH NHÔM F-SHAPED (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
F45	VNĐ/M2	0.60	558,000	575,000	
		0.70	658,000	678,000	
		0.80	750,000	773,000	
F60		0.60	494,000	509,000	
		0.70	582,000	599,000	
		0.80	663,000	683,000	
F60/20		0.60	545,000	561,000	
		0.70	642,000	661,000	
		0.80	732,000	754,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương F-shaped, 3000mm			67,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000

TẤM TRẦN VÁCH F-SHAPED

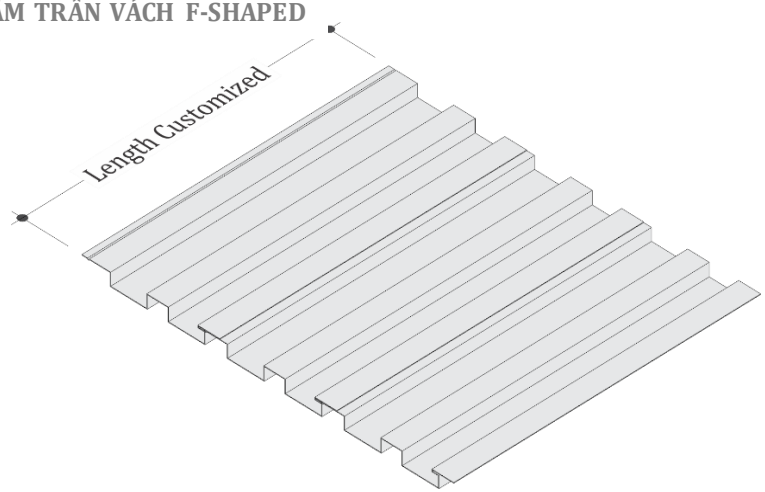

MẶT CẮT TẤM

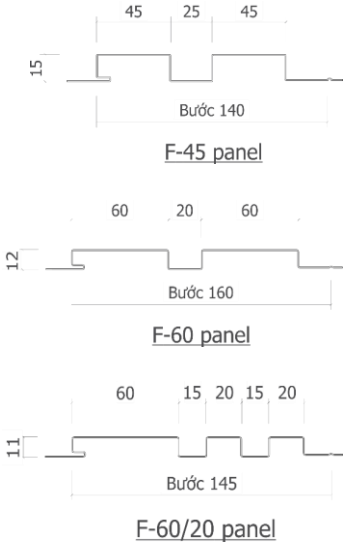

KHUNG F-SHAPED

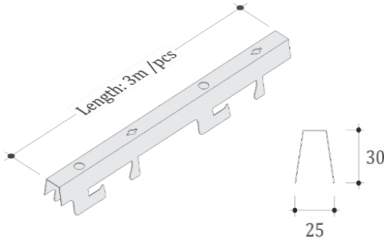

V GÓC NHÔM

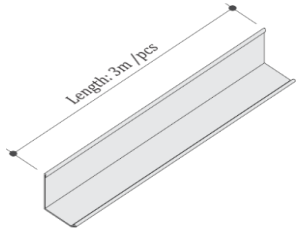

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

11. TẤM VÁCH NHÔM FG-SHAPED GRADIENT

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
FG80	VNĐ/M2	0.60	625,000	644,000	
FG90		0.60	600,000	618,000	
FG100		0.60	570,000	587,000	
FG110		0.60	546,000	562,000	
FG120		0.60	525,000	541,000	
FG130		0.60	508,000	523,000	
FG140		0.60	500,000	515,000	
FG150		0.60	487,000	502,000	
FG160		0.60	475,000	489,000	
FG170		0.60	465,000	479,000	
FG180		0.60	462,000	476,000	

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

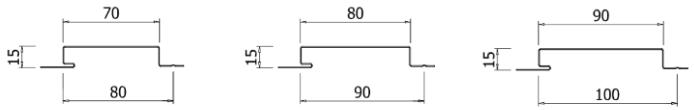

FG-80 FG-90 FG-100

FG-110 FG-120

FG-130 FG-140

FG-150 FG-160

FG-170 FG-180

11. TẤM VÁCH NHÔM FG-SHAPED GRADIENT (tiếp) Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
FG190	VNĐ/M2	0.70	527,000	543,000	
FG200		0.70	520,000	536,000	
FG210		0.70	515,000	530,000	
FG220		0.70	510,000	525,000	
FG230		0.70	505,000	520,000	
FG240		0.70	500,000	515,000	
FG250		0.80	568,000	585,000	
FG260		0.80	566,000	583,000	
FG270		0.80	560,000	577,000	
FG280		0.80	554,000	571,000	
FG290		0.80	552,000	569,000	
FG300		0.80	547,000	563,000	

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

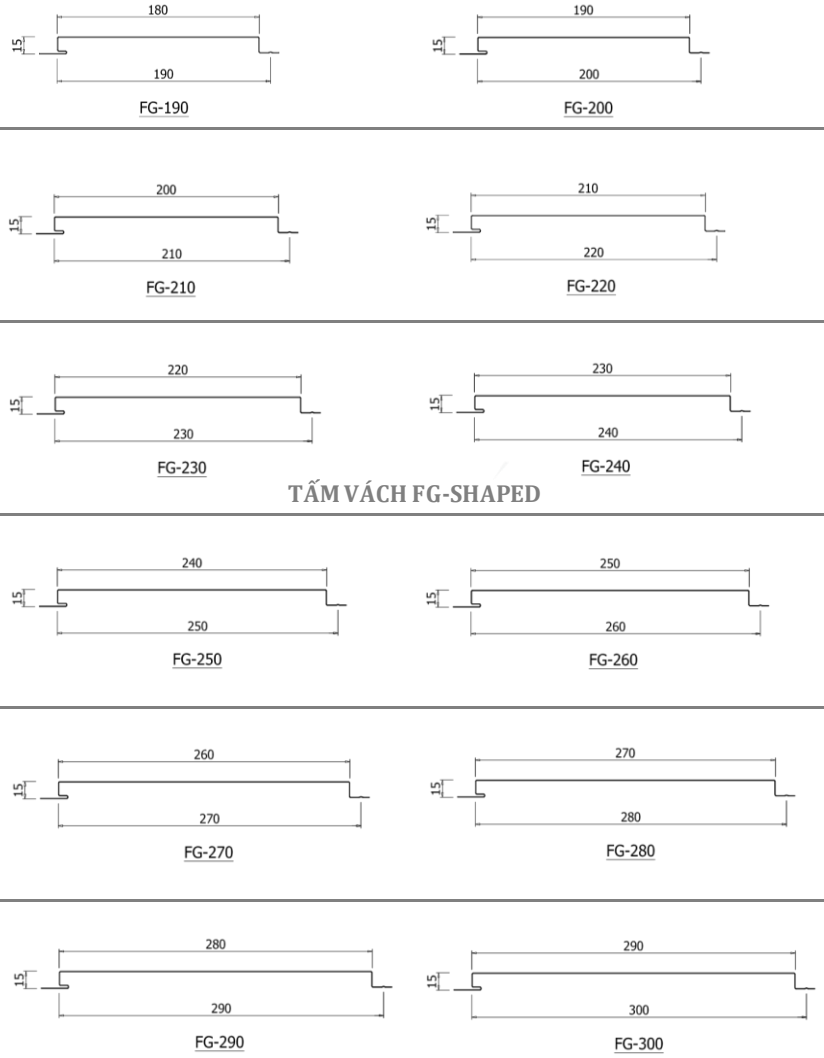

TẤM VÁCH FG-SHAPED

11. TẤM VÁCH TÔN FG-SHAPED GRADIENT

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
FG80TL	VNĐ/M2	0.30	325,000	325,000	
FG90TL		0.30	312,000	312,000	
FG100TL		0.30	290,000	290,000	
FG110TL		0.30	282,000	282,000	
FG120TL		0.30	267,000	267,000	
FG130TL		0.30	262,000	262,000	
FG140TL		0.30	250,000	250,000	
FG150TL		0.30	247,000	247,000	
FG160TL		0.30	238,000	238,000	
FG170TL		0.30	236,000	236,000	
FG180TL		0.30	234,000	234,000	
FG190TL		0.30	227,000	227,000	

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

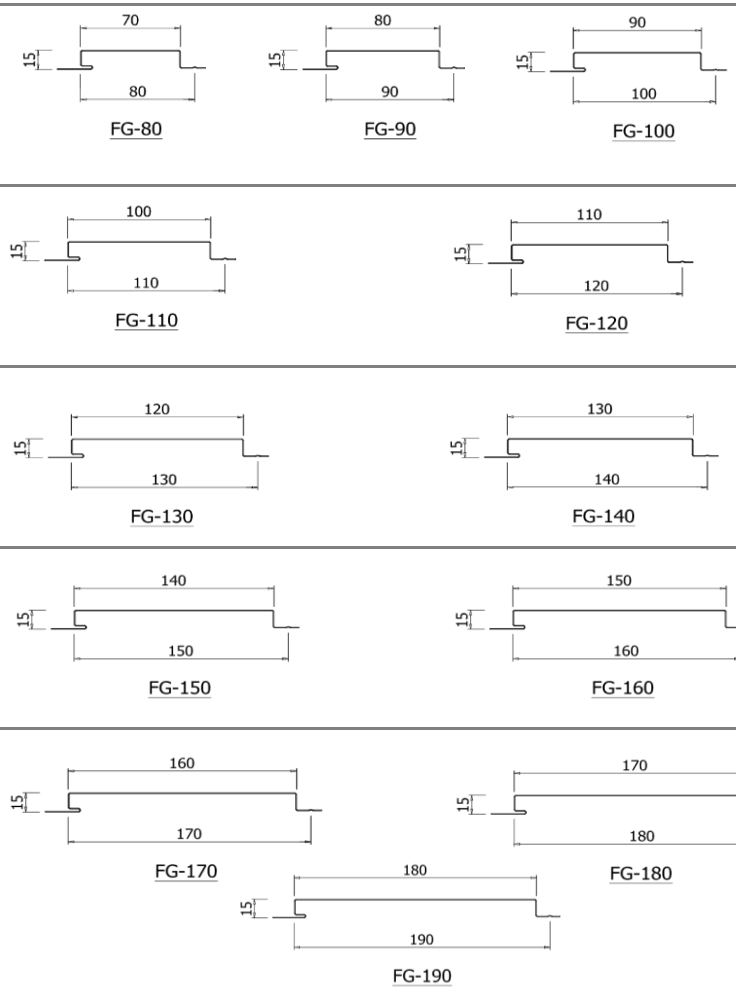

11. TẤM VÁCH TÔN FG-SHAPED GRADIENT (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
FG200TL	VNĐ/M2	0.30	225,000	225,000	
FG210TL		0.30	220,000	220,000	
FG220TL		0.30	219,000	219,000	
FG230TL		0.30	214,000	214,000	
FG240TL		0.30	213,000	213,000	
FG250TL		0.30	212,000	212,000	
FG260TL		0.30	212,000	212,000	
FG270TL		0.30	212,000	212,000	
FG280TL		0.30	208,000	208,000	
FG290TL		0.30	204,000	204,000	
FG300TL		0.30	204,000	204,000	

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

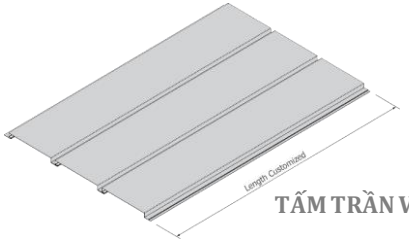

TẤM TRẦN VÁCH FG-SHAPED

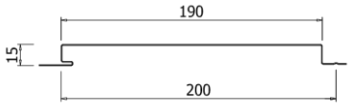

FG-200

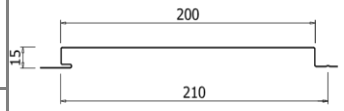

FG-210

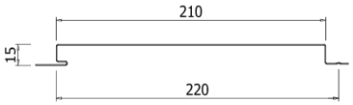

FG-220

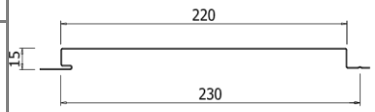

FG-230

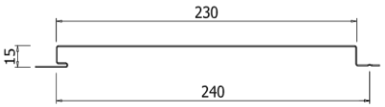

FG-240

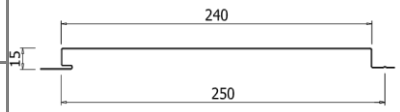

FG-250

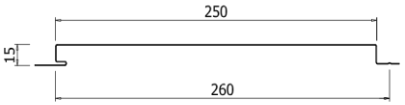

FG-260

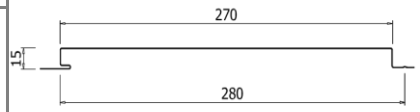

FG-280

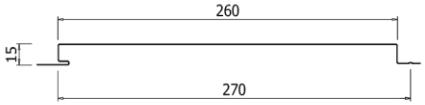

FG-270

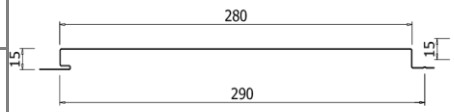

FG-290

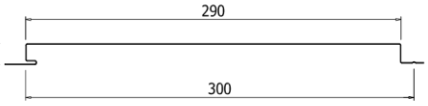

FG-300

12. TRẦN NHÔM AUSTRONG G-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
G100	VNĐ/M2	0.60	470,000	484,000	
		0.70	550,000	567,000	
		0.80	630,000	649,000	
G200		0.60	405,000	417,000	
		0.70	475,000	489,000	
		0.80	545,000	561,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương G-shaped, 3000mm			55,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			53,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm			36,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38			3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38			2,000

TẤM TRẦN G-SHAPED

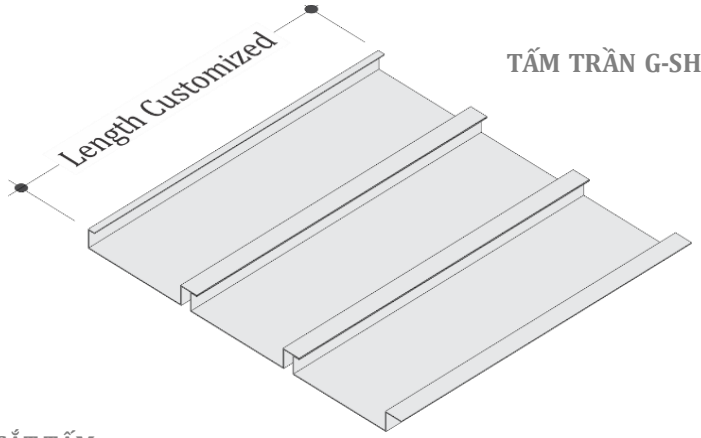

MẶT CẮT TẤM

KHUNG G-SHAPED

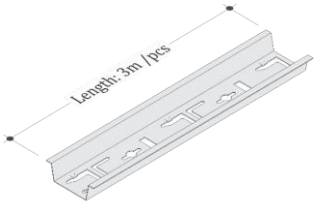

V GÓC NHÔM

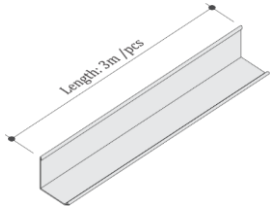

KHUNG C38

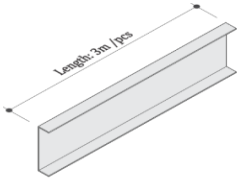

MÓC C38

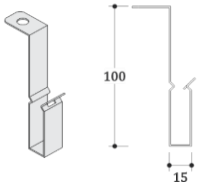

NỐI C38

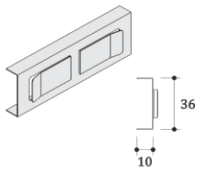

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp

13. TRẦN NHÔM AUSTRONG O-TUBE

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	KHE HỞ *(mm)*			
			50 (Tim 100)	70 (Tim 120)	100 (Tim 150)	150 (Tim 200)
O50	VNĐ/M2	0.60	670,000	559,000	447,000	335,000
		0.70	780,000	650,000	520,000	390,000
		0.80	890,000	742,000	594,000	445,000
O70		0.60			436,000	
		0.70			506,000	
		0.80			583,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen				78,000
	VNĐ/Thanh	Xương O70-shaped mạ kẽm, sơn đen				78,000

TẤM TRẦN O-50

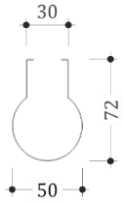

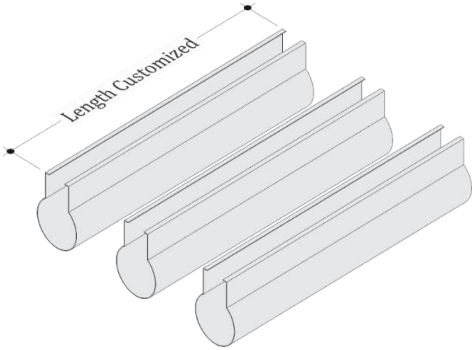

KHUNG TRẦN O-50

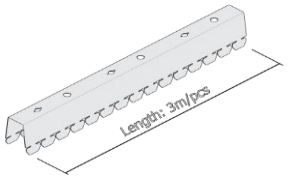

TẤM TRẦN O-70

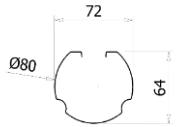

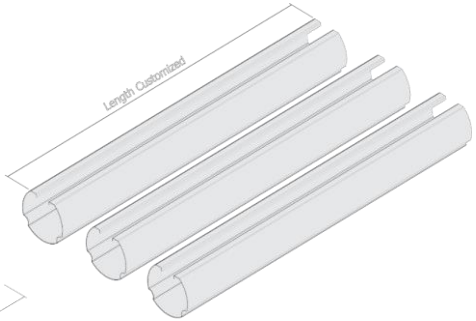

KHUNG TRẦN O-70

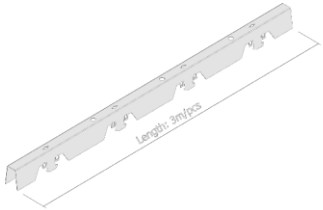

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu đặc biệt +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

14. TRẦN NHÔM AUSTRONG U30-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	KHE HỞ *(mm)*					
			20 (Tim 50)	30 (Tim 60)	50 (Tim 80)	70 (Tim 100)	90 (Tim 120)	120 (Tim 150)
U30x50	VNĐ/M2	0.60	920,000	767,000	575,000	460,000	384,000	307,000
		0.70	1,080,000	900,000	675,000	540,000	450,000	360,000
U30x60		0.60	1,060,000	884,000	663,000	530,000	442,000	354,000
		0.70	1,240,000	1,034,000	775,000	620,000	517,000	414,000
U30x70		0.60	1,180,000	984,000	738,000	590,000	492,000	394,000
		0.70	1,380,000	1,150,000	863,000	690,000	575,000	460,000
U30x80		0.60	1,320,000	1,100,000	825,000	660,000	550,000	440,000
		0.70	1,540,000	1,284,000	963,000	770,000	642,000	514,000
U30x100		0.60	1,580,000	1,317,000	988,000	790,000	659,000	527,000
		0.70	1,840,000	1,534,000	1,150,000	920,000	767,000	614,000
U30x120		0.60	1,860,000	1,550,000	1,163,000	930,000	775,000	620,000
		0.70	2,180,000	1,817,000	1,363,000	1,090,000	909,000	727,000
U30x150		0.60	2,240,000	1,867,000	1,400,000	1,120,000	934,000	747,000
		0.70	2,640,000	2,200,000	1,650,000	1,320,000	1,100,000	880,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen						78,000

TẤM TRẦN U30-SHAPED

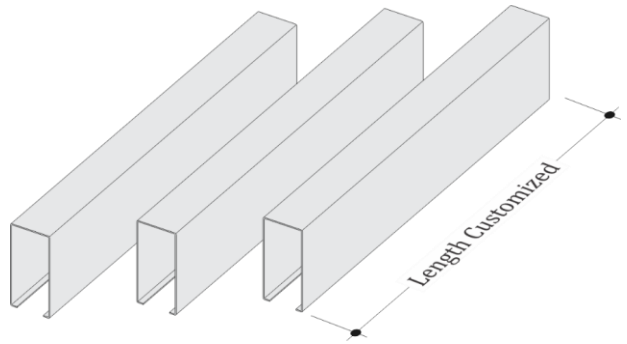

MẶT CẮT TẤM

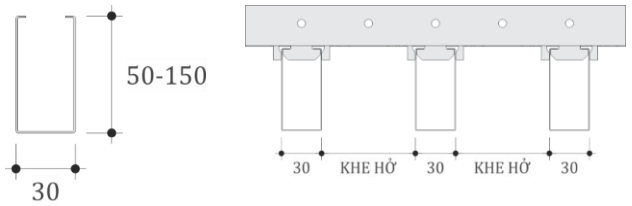

KHUNG / PHỤ KIỆN

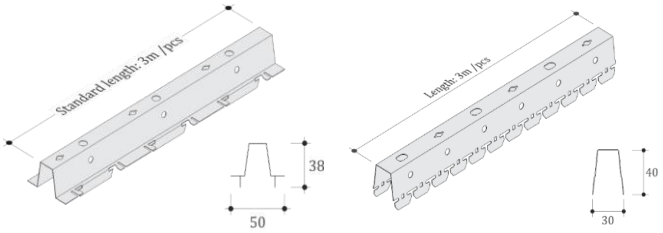

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

15. TRẦN NHÔM AUSTRONG U40-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	KHE HỞ *(mm)*					
			20 (Tim 60)	30 (Tim 70)	40 (Tim 80)	60 (Tim 100)	80 (Tim 120)	100 (Tim 140)
U40x50	VNĐ/M2	0.60	884,000	758,000	663,000	530,000	442,000	379,000
		0.70	1,034,000	886,000	775,000	620,000	517,000	443,000
U40x60		0.60	1,000,000	858,000	750,000	600,000	500,000	429,000
		0.70	1,167,000	1,000,000	875,000	700,000	584,000	500,000
U40x70		0.60	1,117,000	958,000	838,000	670,000	559,000	479,000
		0.70	1,300,000	1,115,000	975,000	780,000	650,000	558,000
U40x80		0.60	1,234,000	1,058,000	925,000	740,000	617,000	529,000
		0.70	1,434,000	1,229,000	1,075,000	860,000	717,000	615,000
U40x100		0.60	1,467,000	1,258,000	1,100,000	880,000	734,000	629,000
		0.70	1,700,000	1,458,000	1,275,000	1,020,000	850,000	729,000
U40x120		0.60	1,684,000	1,443,000	1,263,000	1,010,000	842,000	722,000
		0.70	1,967,000	1,686,000	1,475,000	1,180,000	984,000	843,000
U40x150		0.60	2,034,000	1,743,000	1,525,000	1,220,000	1,017,000	872,000
		0.70	2,384,000	2,043,000	1,788,000	1,430,000	1,192,000	1,022,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen						78,000

TẤM TRẦN U40-SHAPED

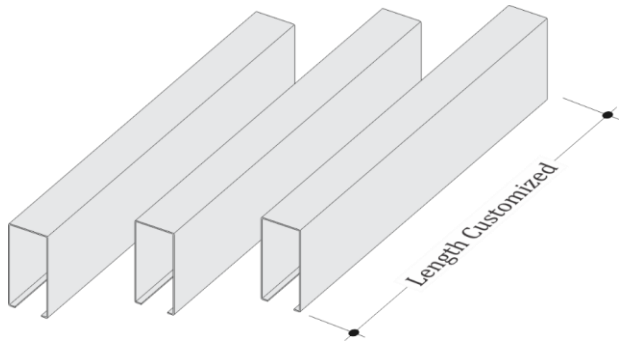

MẶT CẮT TẤM

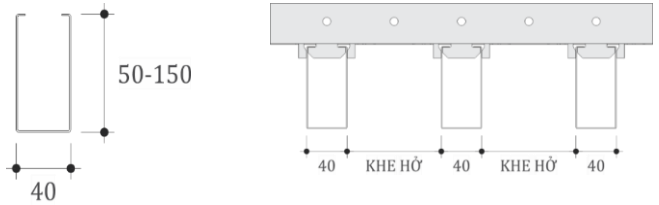

KHUNG / PHỤ KIỆN

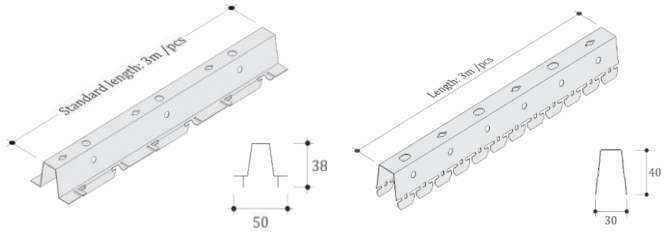

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

16. TRẦN NHÔM AUSTRONG U50-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	KHE HỞ (mm)				
			50 (Tim 100)	75 (Tim 125)	100 (Tim 150)	125 (Tim 175)	150 (Tim 200)
U50x50	VNĐ/M2	0.60	540,000	432,000	360,000	309,000	270,000
		0.70	640,000	512,000	427,000	366,000	320,000
U50x60		0.60	610,000	488,000	407,000	349,000	305,000
		0.70	710,000	568,000	474,000	406,000	355,000
U50x70		0.60	680,000	544,000	454,000	389,000	340,000
		0.70	790,000	632,000	527,000	452,000	395,000
U50x80		0.60	740,000	592,000	494,000	423,000	370,000
		0.70	870,000	696,000	580,000	498,000	435,000
U50x100		0.60	880,000	704,000	587,000	503,000	440,000
		0.70	1,030,000	824,000	687,000	589,000	515,000
U50x150		0.60	1,210,000	968,000	807,000	692,000	605,000
		0.70	1,420,000	1,136,000	947,000	812,000	710,000
U50x200		0.60	1,540,000	1,232,000	1,027,000	880,000	770,000
		0.70	1,810,000	1,448,000	1,207,000	1,035,000	905,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen					78,000

TẤM TRẦN U50-SHAPED

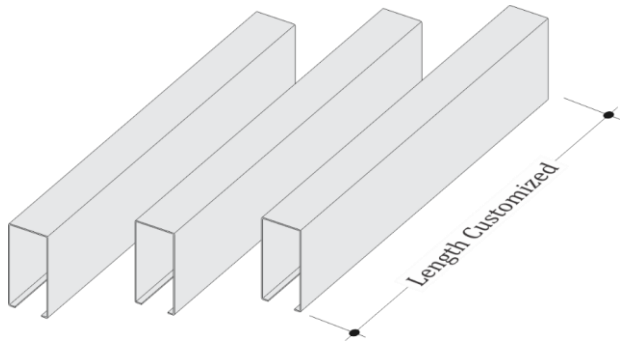

MẶT CẮT TẤM

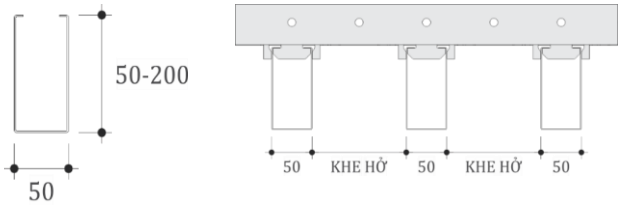

KHUNG / PHỤ KIỆN

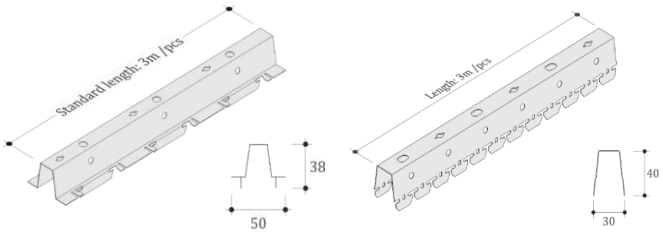

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

17. TRẦN NHÔM AUSTRONG U-BULLET

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	KHE HỞ *(mm)*				
			50 (Tim 100)	75 (Tim 125)	100 (Tim 150)	125 (Tim 175)	150 (Tim 200)
UD50x80	VNĐ/M2	0.60	660,000	528,000	440,000	378,000	330,000
		0.70	770,000	616,000	514,000	440,000	385,000
		0.80	870,000	696,000	580,000	498,000	435,000
UD50x100		0.60	800,000	640,000	534,000	458,000	400,000
		0.70	930,000	744,000	620,000	532,000	465,000
		0.80	1,060,000	848,000	707,000	606,000	530,000
UD50x120		0.60	940,000	752,000	627,000	538,000	470,000
		0.70	1,090,000	872,000	727,000	623,000	545,000
		0.80	1,240,000	992,000	827,000	709,000	620,000
UD50x150		0.60	1,150,000	920,000	767,000	658,000	575,000
		0.70	1,330,000	1,064,000	887,000	760,000	665,000
		0.80	1,520,000	1,216,000	1,014,000	869,000	760,000
UD50x180		0.60	1,350,000	1,080,000	900,000	772,000	675,000
		0.70	1,570,000	1,256,000	1,047,000	898,000	785,000
		0.80	1,800,000	1,440,000	1,200,000	1,029,000	900,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen					78,000

TẤM TRẦN U-BULLET

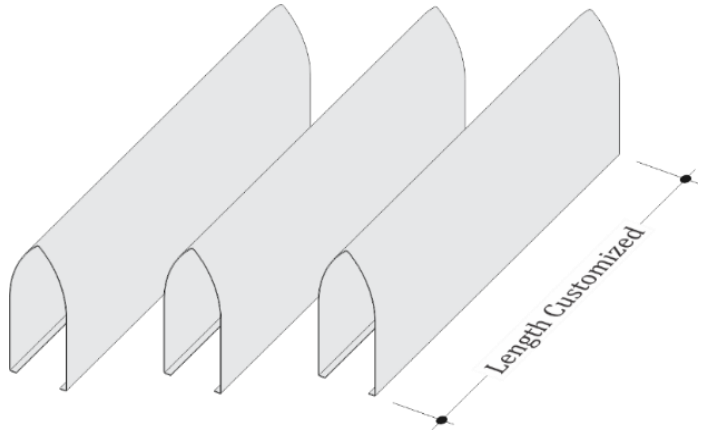

MẶT CẮT TẤM

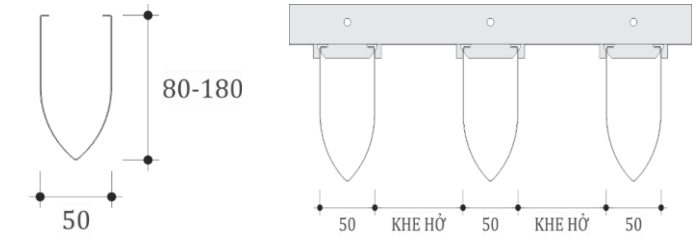

KHUNG / PHỤ KIỆN

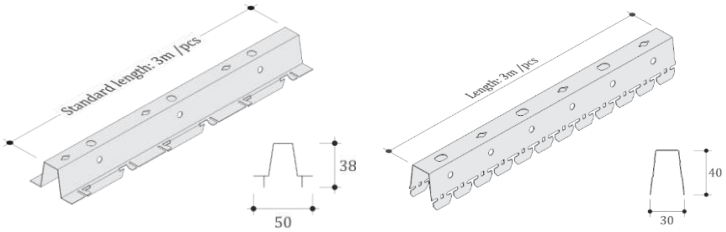

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

18. TRẦN NHÔM AUSTRONG V-SCREENS

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ POLYESTER	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
V100	VNĐ/M2	0.60	410,000	
		0.70	470,000	
		0.80	540,000	
VJ100		0.60	470,000	
		0.70	550,000	
		0.80	630,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương V-Screen mạ kẽm		79,000

V100

TRẦN VSCREENS-V100

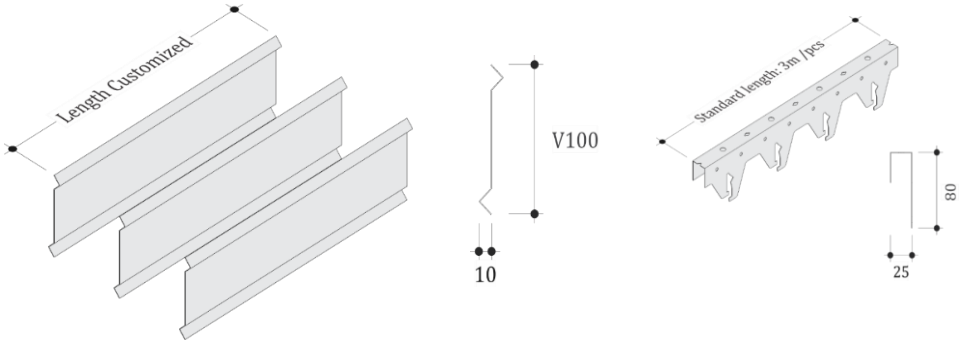

KHOẢNG HỞ TẤM TRẦN TIÊU CHUẨN 100MM

VJ100

TRẦN VSCREENS-VJ100

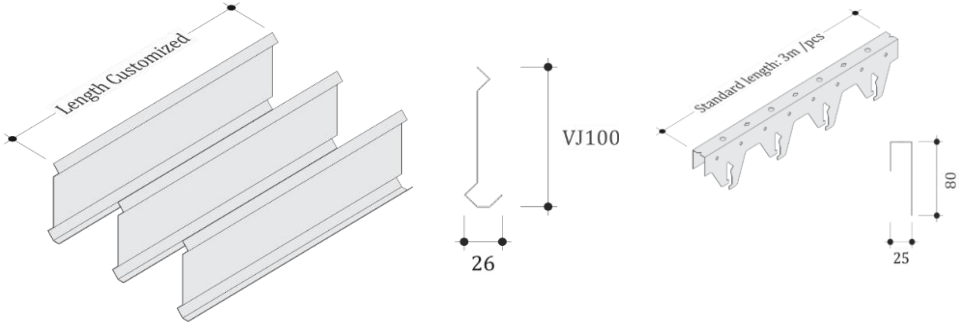

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu đặc biệt +3%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

19. TRẦN - VÁCH NHÔM W-WAVE

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	*Sơn Polyester (Màu vân gỗ)*	*Sơn Polyester (Màu phổ thông)*
W20	VNĐ/M2	0.60	700,000	721,000	
		0.70	817,000	842,000	
		0.80	934,000	962,000	
W30	VNĐ/M2	0.60	700,000	721,000	
		0.70	817,000	842,000	
		0.80	942,000	970,000	

TẤM TRẦN VÁCH W30

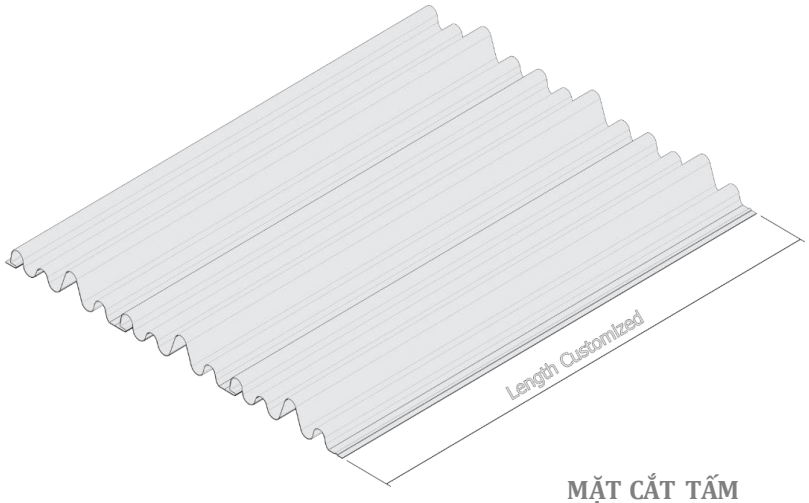

MẶT CẮT TẤM

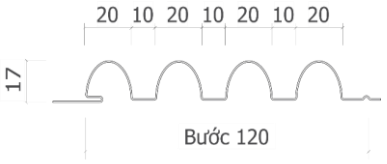

W-20 panel

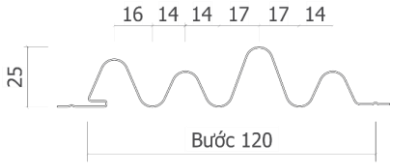

W-30 panel

GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

20. LAM CHẮN NẮNG SUN LOUVER 85C/85R/132S

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ POLYESTER	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
85C	VNĐ/M2	0.60	437,000	
		0.70	518,000	
		0.80	587,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Thanh xương chắn nắng 85C		101,000
85R	VNĐ/M2	0.60	514,000	
		0.70	609,000	
		0.80	690,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Thanh xương chắn nắng 85R		101,000
132S	VNĐ/M2	0.60	370,000	
		0.70	435,000	
		0.80	495,000	
Phụ kiện	VNĐ/Chiếc	Móc treo chắn nắng 132S		20,000

GHI CHÚ:

1. Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, móc chắn nắng nhôm 6063-T5
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

LAM CHẮN NẮNG 85C

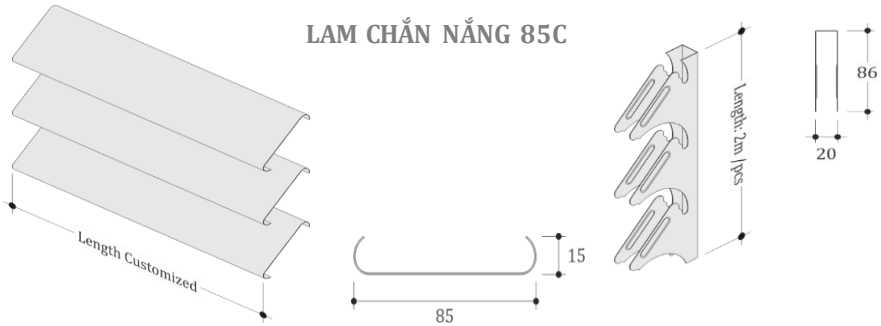

LAM CHẮN NẮNG 85R

LAM CHẮN NẮNG 132S

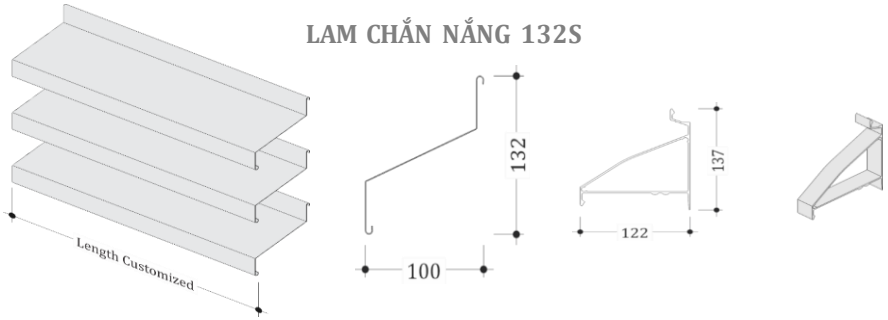

21. LAM CHẮN NẮNG - SUN LOUVER AZ

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
AZ-45.5T10	VNĐ/M	1.00	104,000	
AKZ-45.5T10		1.00	81,000	
AZ-70T12		1.20	109,000	
AKZ-70T15		1.50	116,000	
AZ-75T16		1.60	199,000	
AKZ-75T21		2.10	210,000	
AZ-76T15		1.50	201,000	
AKZ-76T15		1.50	155,000	

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

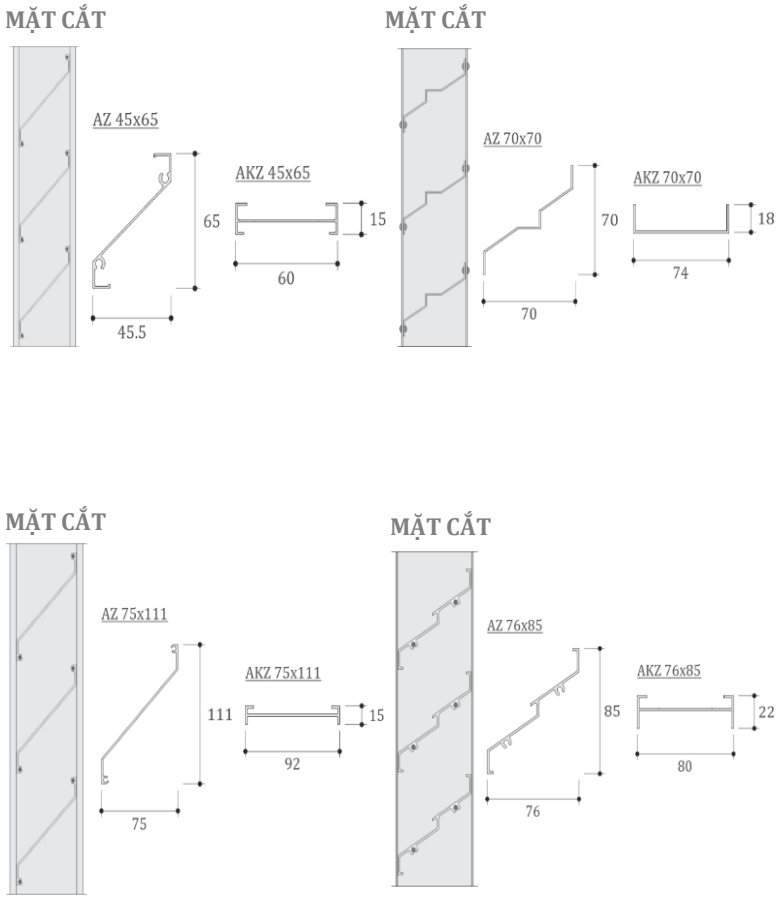

22. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH LÁ LIỄU

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
SL-120T12	VNĐ/M	1.20	286,000	
SL-150T14		1.40	392,000	
SL-170T13		1.30	415,000	
Bịt đầu: NBD150SL	VNĐ/Chiếc	1.50	9,000	
Bịt đầu: NBD170SL	VNĐ/Chiếc	1.50	12,000	
Tay đỡ: TD15D	VNĐ/Chiếc	3.00	10,000	
Tay đỡ: TD45D	VNĐ/Chiếc	4.00	17,000	

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

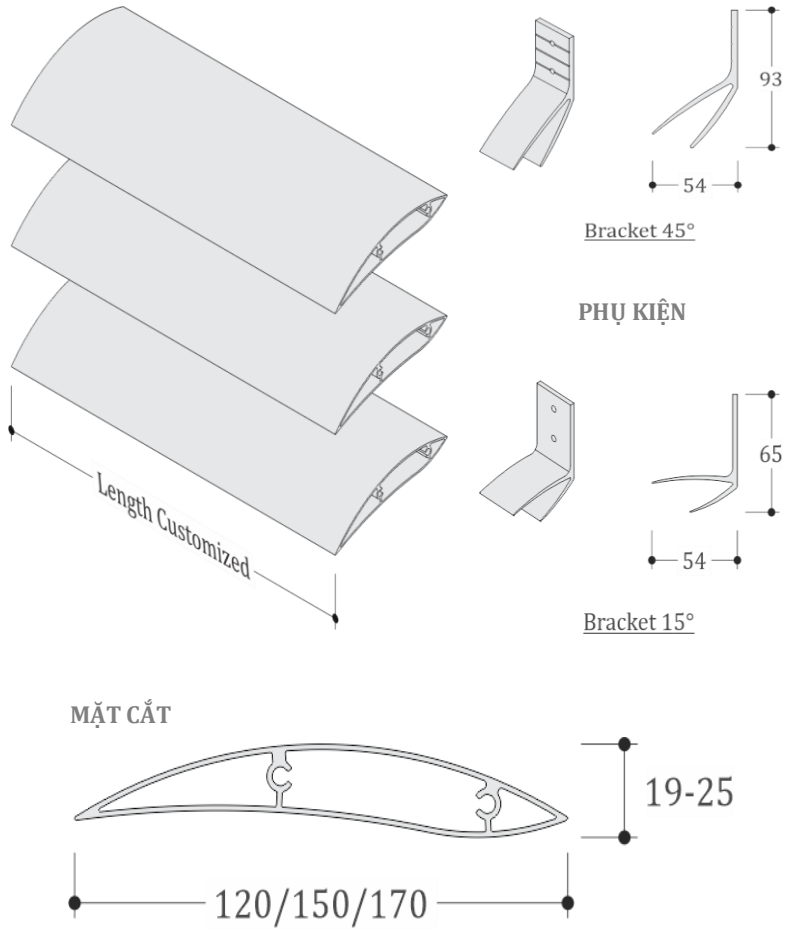

23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH THOI

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
AER-100-24T11	VNĐ/M	1.10	206,000	
AER-100-18T10		1.00	220,000	
AER-150-40T12		1.20	359,000	
AER-150-24T13		1.30	421,000	
AER-150-24T15		1.50	439,000	
AER-200-25T15		1.50	540,000	
AER-200-50T10		1.00	554,000	
AER-200-40T18		1.80	715,000	
Bịt đầu: BDT100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	29,000	
Bịt đầu: BDT160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	46,000	

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

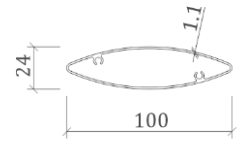

AER-100x24x1.1 mm

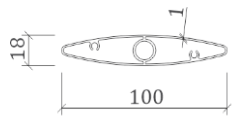

AER-100x18x1.0 mm

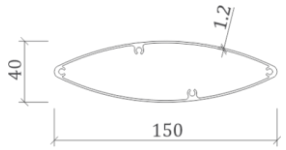

AER-150x40x1.2 mm

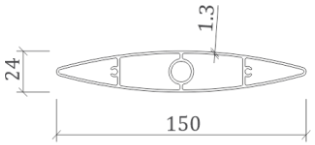

AER-150x24x1.3 mm

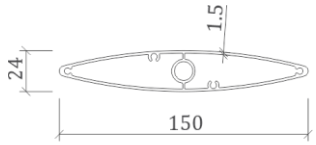

AER-150x24x1.5 mm

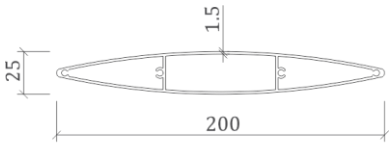

AER-200x25x1.5 mm

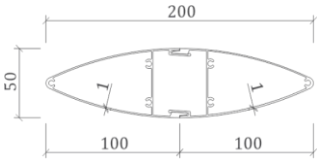

AER-200x50x1.0 mm

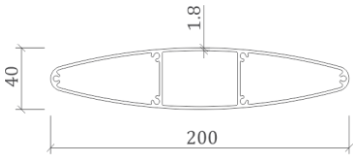

AER-200x40x1.8 mm

PHỤ KIỆN

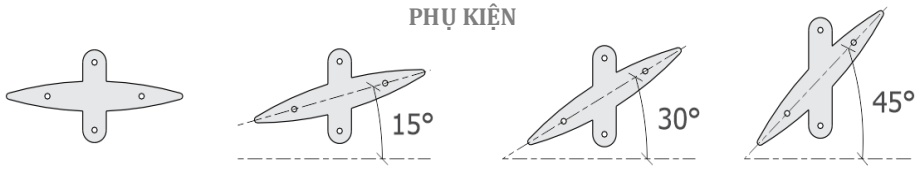

23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH THOI (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ:
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*	1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
AER-250-50T13	VNĐ/M	1.30	758,000		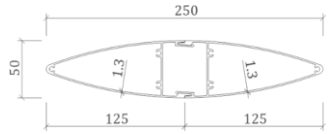 AER-250x50x1.3 mm 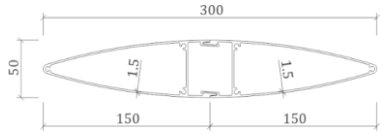 AER-300x50x1.5 mm
AER-300-50T15		1.50	964,000		
AER-250-50T18		1.80	1,020,000		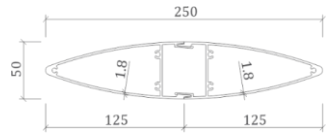 AER-250x50x1.8 mm 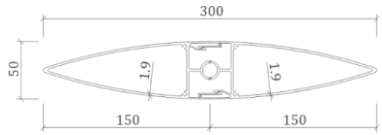 AER-300x50x1.9 mm
AER-300-50T19		1.90	1,186,000		
AER-450-65T18		1.80	1,779,000		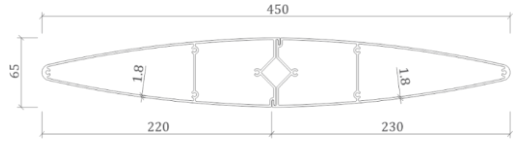 AER-450x65x1.8 mm
AER-450-66T20		2.00	1,802,000		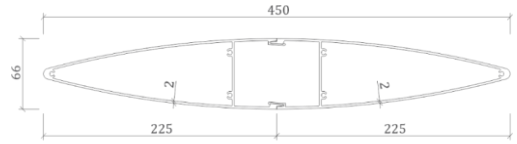 AER-450x66x2.0 mm
Bịt đầu: BDT250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	86,000		PHỤ KIỆN 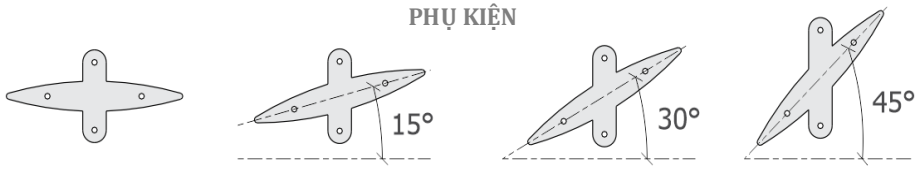
Bịt đầu: BDT350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	173,000		

24. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH ĐẦU ĐẠN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*		
ASL-110-50T10	VNĐ/M	1.00	393,000		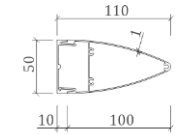 ASL-110x50x1.0 mm	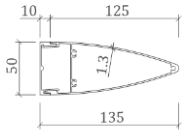 ASL-135x50x1.3 mm
ASL-135-50T13		1.30	494,000			
ASL-160-50T10		1.00	513,000		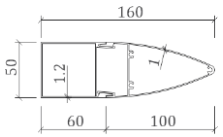 ASL-160x50x1.0 mm	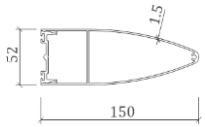 ASL-150x52x1.5 mm
ASL-150-52T15		1.50	579,000			
ASL-160-50T15		1.50	598,000		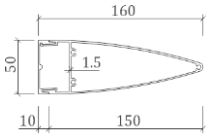 ASL-160x50x1.5 mm	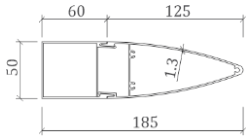 ASL-185x50x1.3 mm
ASL-185-50T13		1.30	614,000			
ASL-200-67T15		1.50	721,000		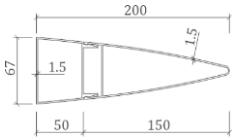 ASL-200x67x1.5 mm	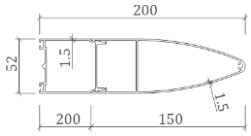 ASL-200x52x1.5 mm
ASL-200-52T15		1.50	732,000			
ASL-200-65T18		1.80	854,000		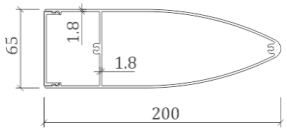 ASL-200x65x1.8 mm	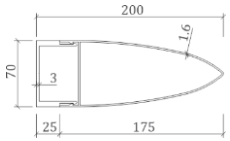 ASL-200x70x1.6 mm
ASL-200-70T16		1.60	959,000			
Bịt đầu: BDD100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	29,000			
Bịt đầu: BDD160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	46,000			

24. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH ĐẦU ĐẠN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
ASL-250-52T15	VNĐ/M	1.50	953,000	
ASL-300-75T15		1.50	962,000	
ASL-300-55T17		1.70	1,000,000	
ASL-300-52T15		1.50	1,105,000	
ASL-300-65T18		1.80	1,247,000	
ASL-350-100T18		1.80	1,716,000	
ASL-450-90T18		1.80	1,989,000	
Bịt đầu: BDD250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	86,000	
Bịt đầu: BDD350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	173,000	

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

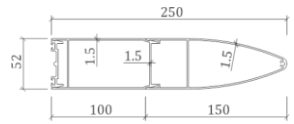

ASL-250x52x1.5 mm

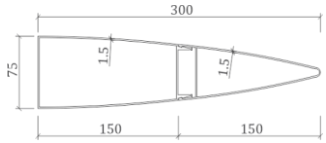

ASL-300x75x1.5 mm

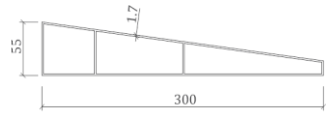

ASL-300x55x1.7 mm

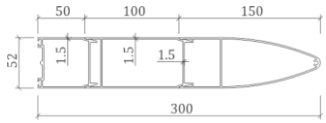

ASL-300x52x1.5 mm

ASL-300x65x1.8 mm

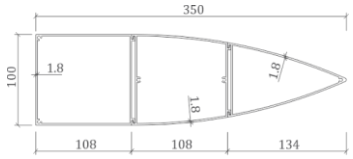

ASL-350x100x1.8 mm

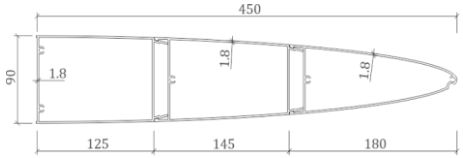

ASL-450x90x1.8 mm

25. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*		
ASB-100-30T14	VNĐ/M	1.40	328,000		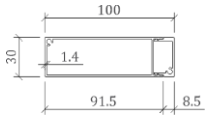 ASB-100x30x1.4 mm	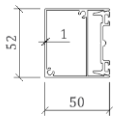 ASB-50x52x1.0 mm
ASB-50-52T10		1.00	326,000			
ASB-70-50T12		1.20	361,000		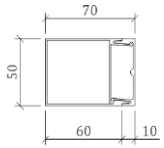 ASB-70x50x1.2 mm	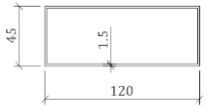 ASB-120x45x1.5 mm
ASB-120-45T15		1.50	376,000			
ASB-100-52T12		1.20	454,000		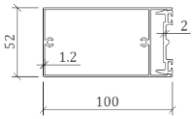 ASB-100x52x1.2 mm	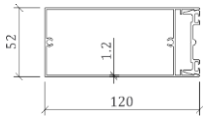 ASB-120x52x1.2 mm
ASB-120-52T12		1.20	485,000			
ASB-100-52T15		1.50	502,000		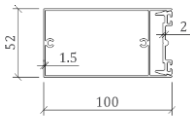 ASB-100x52x1.5 mm	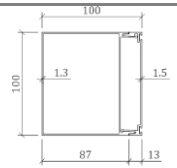 ASB-100x100x1.3mm
ASB-100-100T13		1.30	610,000			
ASB-100-100T20		2.00	606,000		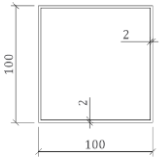 ASB-100x100x2.0 mm	
Bịt đầu: BDH100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	29,000			

25. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*		
ASB-150-50T15	VNĐ/M	1.50	457,000		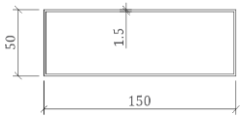 ASB-150x50x1.5 mm	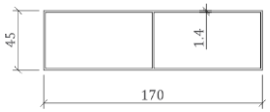 ASB-170x45x1.4 mm
ASB-170-45T14		1.40	487,000			
ASB-150-30T14		1.40	545,000		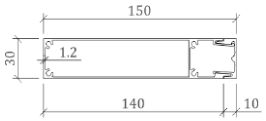 ASB-150x30x1.4 mm	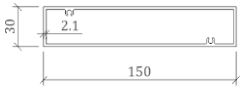 ASB-150x30x2.1 mm
ASB-150-30T21		2.10	593,000			
ASB-150-52T20		2.00	636,000		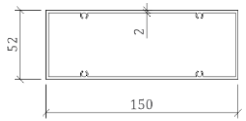 ASB-150x52x2.0 mm	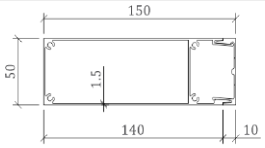 ASB-150x50x1.5 mm
ASB-150-50T15G		1.50	663,000			
ASB-150-52T12		1.20	607,000		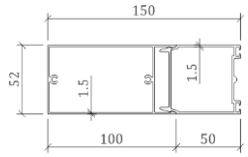 ASB-150x52x1.5 mm	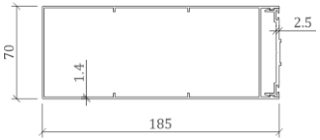 ASB-185x70x1.4 mm
ASB-150-52T15		1.50	666,000			
ASB-185-70T14		1.40	699,000			
ASB-200-50T20		2.00	760,000		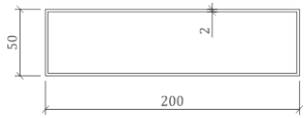 ASB-200x50x2.0 mm	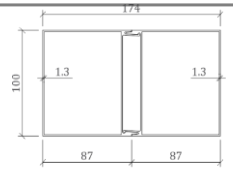 ASB-174x100x1.3 mm
ASB-174-100T13		1.30	831,000			
Bịt đầu: BDH160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	46,000			

25. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*		
ASB-200-50T15	VNĐ/M	1.50	793,000		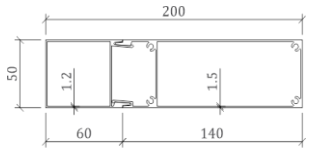 ASB-200x50x1.5 mm	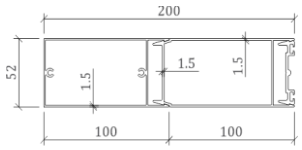 ASB-200x52x1.5 mm
ASB-200-52T15		1.50	828,000			
ASB-280-30T14		1.40	899,000		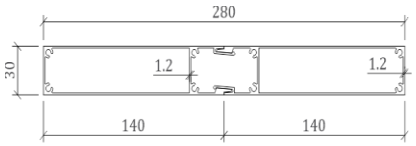 ASB-280x30x1.4 mm	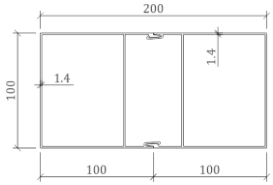 ASB-200x100x1.4 mm
ASB-200-100T14		1.40	918,000			
ASB-250-52T15		1.50	981,000		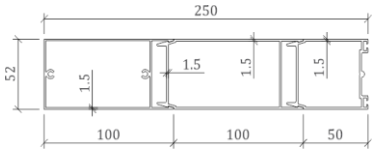 ASB-250x52x1.5 mm	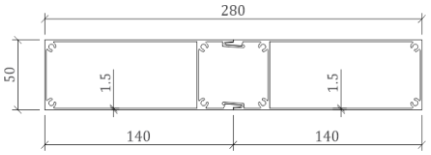 ASB-280x50x1.5 mm
ASB-280-50T15		1.50	1,095,000			
ASB-250-100T15		1.50	1,104,000		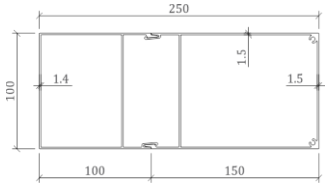 ASB-250x100x1.5 mm	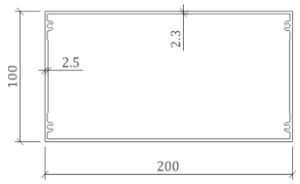 ASB-200x100x2.3 mm
ASB-200-100T23		2.30	1,140,000			
Bịt đầu: BDH160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	46,000			
Bịt đầu: BDH250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	86,000			

25. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ:
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*	1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
ASB-300-52T15	VNĐ/M	1.50	1,201,000		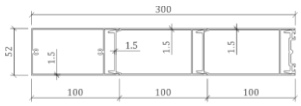 ASB-300x52x1.5 mm 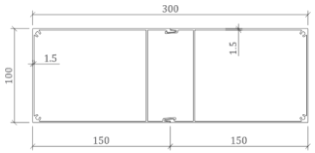 ASB-300x100x1.5 mm
ASB-300-100T15		1.50	1,290,000		
ASB-300-70T18		1.80	1,329,000		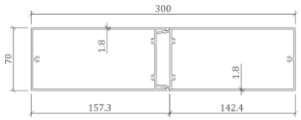 ASB-300x70x1.8 mm 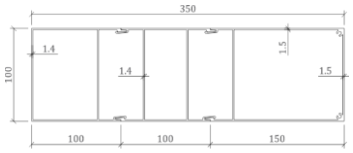 ASB-350x100x1.4 mm
ASB-350-100T14		1.40	1,595,000		
ASB-282-80T25		2.50	1,665,000		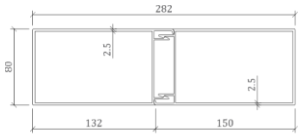 ASB-282x80x2.5 mm 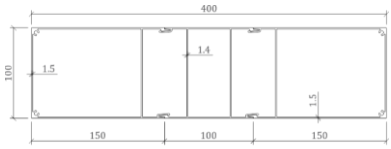 ASB-400x100x1.5 mm
ASB-400-100T15		1.50	1,781,000		
ASB-450-70T18		1.80	2,024,000		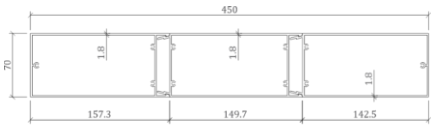 ASB-450x70x1.8 mm 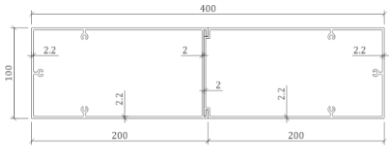 ASB-400x100x2.2 mm
ASB-400-100T22		2.20	2,216,000		
Bịt đầu: BDH250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	86,000		
Bịt đầu: BDH350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	173,000		

26. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH CÁNH CUNG

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	LỚP PHỦ BỀ MẶT	
			(Màu phổ thông)	*(Màu đặc biệt)*
ASC-P150	VND/M	1.40	193,000	
Móc treo MTNTP150	VNĐ/Chiếc	1.50	21,000	

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

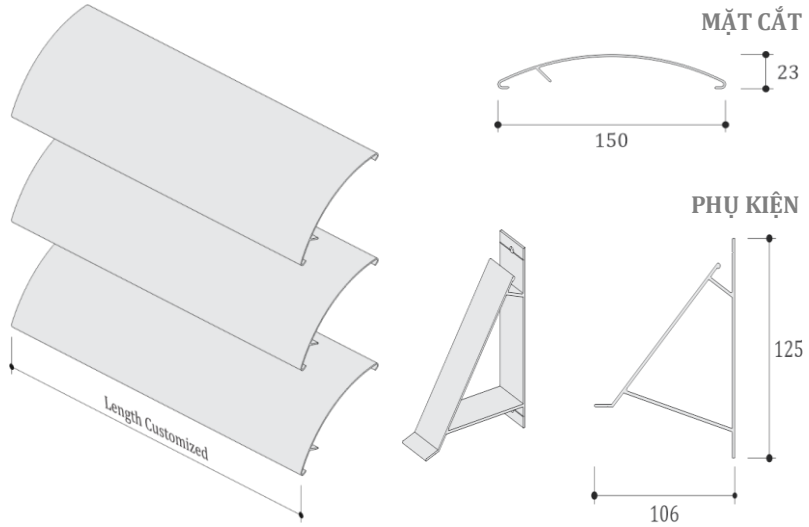

27. TRẦN SỢI KHOÁNG

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	BỀ MẶT	
			(Cạnh gờ)	*(Cạnh vuông)*
SK600600CG (Tấm cạnh gờ)	VND/M2	15	146,000	
SK600600CV (Tấm cạnh vuông)		15		135,000
Phụ kiện Khung trần	VNĐ/Thanh	T-shaped 38x24x3660mm		51,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x1220mm		15,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x610mm		9,000
	VNĐ/Thanh	V góc thép 22x22x3000mm		22,000

TẤM TRẦN SỢI KHOÁNG

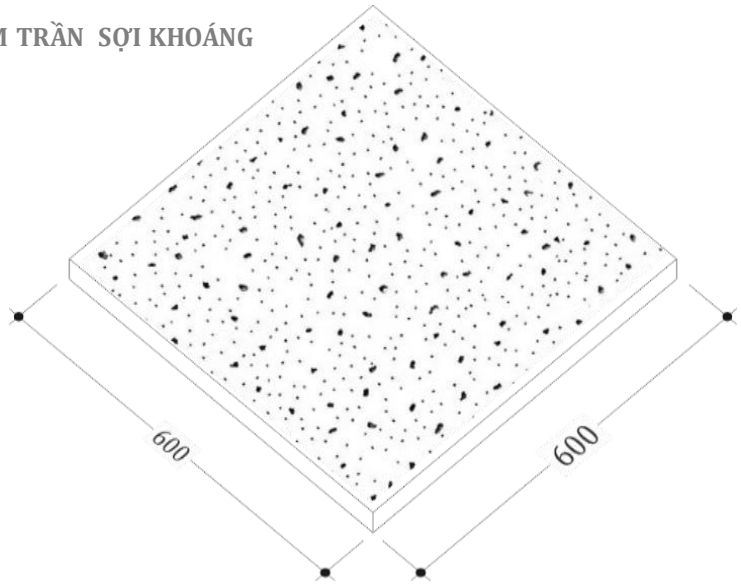

KHUNG T3660 | KHUNG T1220 | KHUNG T660 | THANH V

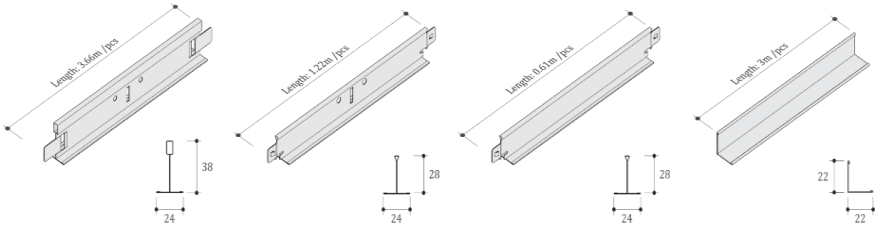

GHI CHÚ:

1. Giá bán/VNĐ, chưa bao gồm thuế VAT 10%
2. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

28. TẤM ỐP NHÔM ĐA HÌNH

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

SẢN PHẨM	LỚP PHỦ	ĐVT	ĐỘ DÀY *(mm)*	Tấm ốp nhôm mặt dựng, gia công sản xuất, chấn gấp, đột gấp, đột dập CNC theo bản thiết kế
				Đơn giá áp dụng cho màu đơn sắc
ALUPT15TD	Sơn tĩnh điện	VNĐ/M2	1.50	1,500,000
ALUPT20TD			2.00	1,800,000
ALUPT30TD			3.00	2,500,000
ALUPT08PE	Sơn PE	VNĐ/M2	0.80	Liên hệ
ALUPT10PE			1.00	Liên hệ
ALUPT15PE			1.50	Liên hệ
ALUPT20PE			2.00	Liên hệ
ALUPT30PE			3.00	Liên hệ
ALUPT15PVDF	Sơn PVDF	VNĐ/M2	1.50	Liên hệ
ALUPT20PVDF			2.00	Liên hệ
ALUPT30PVDF			3.00	Liên hệ

GHI CHÚ:

1. Nhôm 3003 H14-24 (ASTM B209/B209-M)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện, sơn FE/PVDF
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán tính theo diện tích trải phôi
5. Giá bán chưa bao gồm nhân công lắp đặt

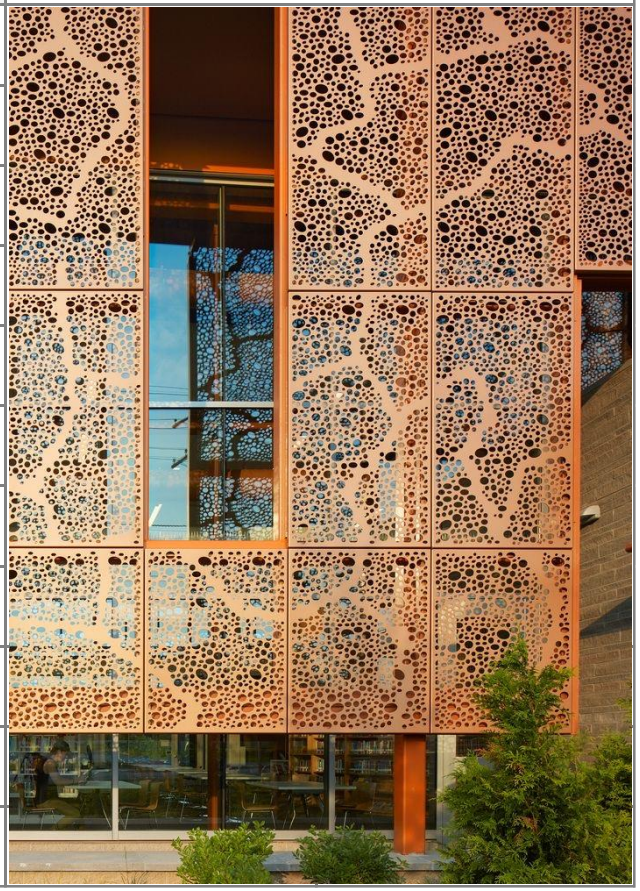

29. PHỤ KIỆN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Bộ phụ kiện chuyển động	Bộ	120,000	**Kẹp tấm Hook-on** 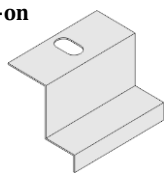	Chiếc	11,000	**Xương T-Shaped 1220mm** 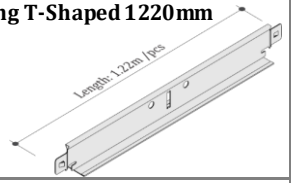	Thanh	15,000
Mô tơ chuyển động 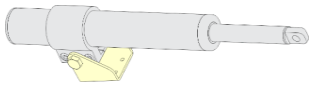	Bộ	4,692,000	**Móc treo Hook-on** 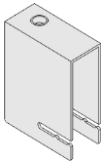	Chiếc	10,000	**Xương T-Shaped 610mm** 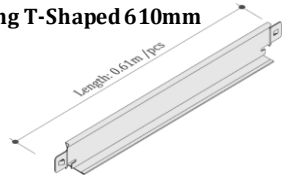	Thanh	9,000
Kẹp thanh kép 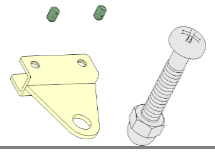	Bộ	100,000	**Nối xương Hook-on** 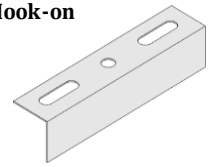	Chiếc	19,000	**Xương T-Shaped 3660mm** 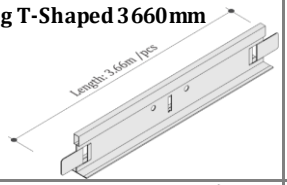	Thanh	51,000
Thanh kéo Inox	Thanh	390,000	**Xương Hook-on** 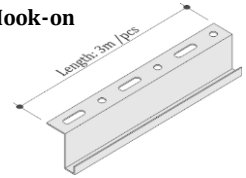	Thanh	142,000	**Thanh V góc nhôm, dày 0,6mm** 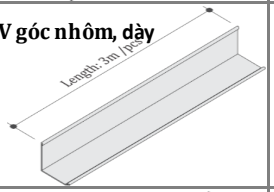	Thanh	53,000
Móc T-Black 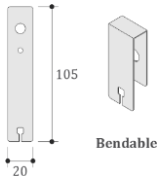	Chiếc	2,000	**Xương T-Black 600mm** 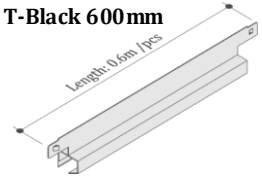	Thanh	32,000	**Thanh V góc thép** 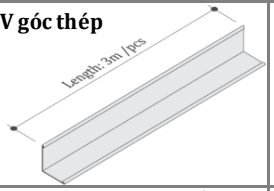	Thanh	22,000
Nối T-Black 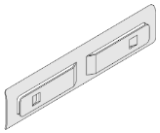	Chiếc	2,000	**Xương T-Black 3000mm** 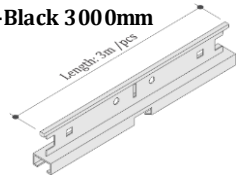	Thanh	168,000	**Thanh W góc nhôm, dày 0,6mm** 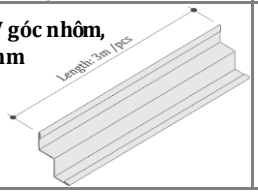	Thanh	81,000
<u>GHI CHÚ</u> :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%							
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG							

29. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Móc C38 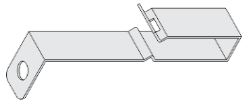	Chiếc	3,000	Nối C38	Chiếc	2,000	Xương UB, đen (40mm) 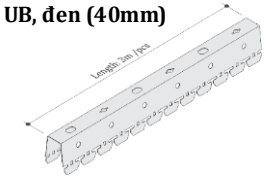	Thanh	78,000
Xương C38 loại A1 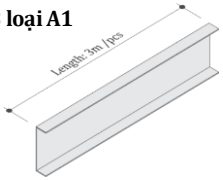	Thanh	36,000	Xương C38 loại A2 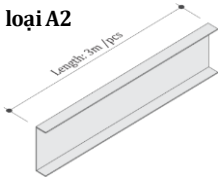	Thanh	27,000	Xương trần B 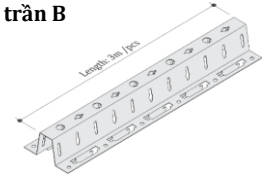	Thanh	135,000
Trang trí trần C85 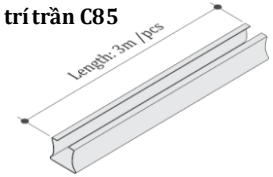	Thanh	73,000	Trang trí trần B 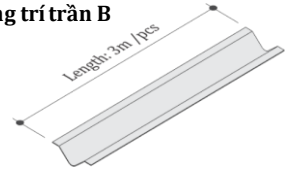	Thanh	39,000	Xương UB, đen (52mm) 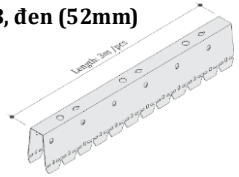	Thanh	129,000
Móc tam giác loại A1 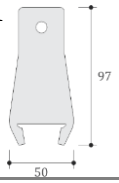	Chiếc	2,000	Móc tam giác loại A2 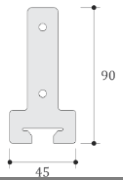	Chiếc	1,000	Xương trần U, đen 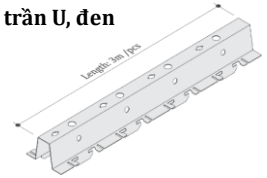	Thanh	79,000
Nối tam giác loại A1 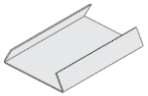	Chiếc	1,000	Nối tam giác loại A2 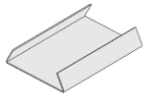	Chiếc	1,000	Xương trần O70 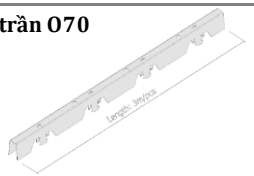	Thanh	78,000
Xương tam giác loại A1 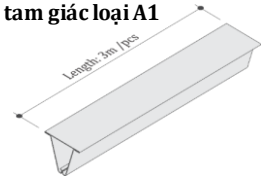	Thanh	46,000	Xương tam giác loại A2	Thanh	31,000	Xương trần U, mạ kẽm 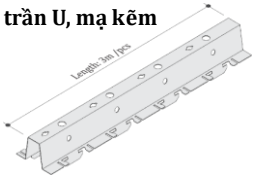	Thanh	62,000

GHI CHÚ :	
	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG

29. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 16/09/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Móc chắn nắng 132S	Chiếc	20,000	**Móc chắn nắng 85C** 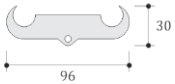	Chiếc	2,000	**Móc trần C-Shaped** 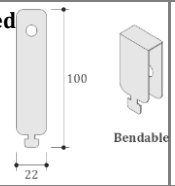	Chiếc	2,000
Xương chắn nắng 85R 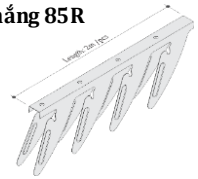	Thanh	101,000	**Móc trần Cell** 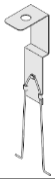	Chiếc	5,000	**Móc trần G-200** 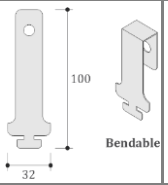	Chiếc	3,000
Xương chắn nắng 85C	Thanh	101,000	**Xương trần F** 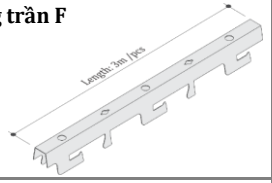	Thanh	67,000	**Nối tấm BF175** 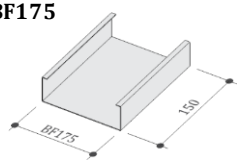	Tấm	28,000
Xương trần C300 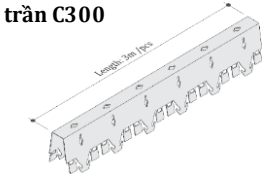	Thanh	61,000	**Xương trần G** 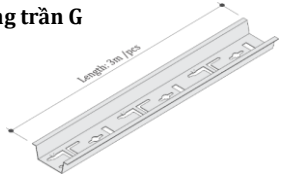	Thanh	55,000	**Nối tấm BF250** 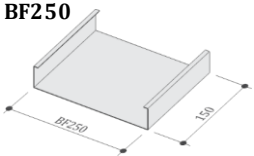	Tấm	36,000
Xương trần C-Shaped 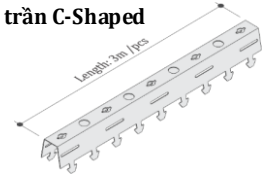	Thanh	61,000	**Xương trần V** 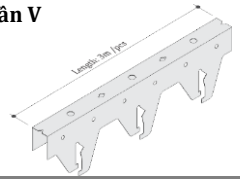	Thanh	79,000	**Nối tấm BF275** 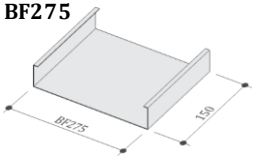	Tấm	39,000
Xương trần C85 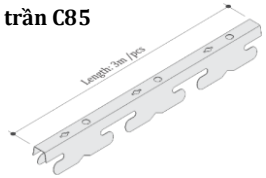	Thanh	61,000	**Nối tấm BF150** 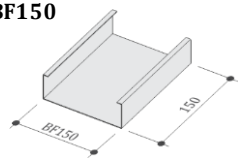	Tấm	25,000	**Nối tấm BF300** 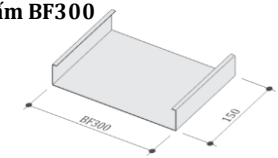	Tấm	42,000

<u>GHI CHÚ</u> :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG